



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

**TÌNH HÌNH BUÔN BÁN PHỤ NỮ - TRẺ EM
NHẪM ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP PHÙ HỢP
TẠI MỘT SỐ VÙNG PHÁT TRIỂN CỦA ACTIONAID VIỆT NAM**

MỤC LỤC

05

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

I. Bối cảnh

5

II. Mục tiêu cuộc khảo sát

6

III. Địa bàn, phương pháp, đối tượng và cỡ mẫu nghiên cứu

6

IV. Phạm vi cuộc khảo sát

9

V. Phương pháp xử lý số liệu

9

11

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BUÔN BÁN PHỤ NỮ - TRẺ EM TẠI CÁC ĐỊA BÀN KHẢO SÁT

I. Tình trạng phụ nữ - trẻ em bị buôn bán hoặc nghi bị lừa gạt, buôn bán và cuộc sống của những người đã trở về

11

II. Đối tượng phụ nữ - trẻ em bị buôn bán, nghi bị buôn bán tại địa bàn khảo sát và hoàn cảnh của họ sau khi có dấu hiệu bị buôn bán

17

III. Nguyên nhân của thực trạng buôn bán phụ nữ - trẻ em

19

25

CHƯƠNG III. HIỂU BIẾT CỦA CÁN BỘ VÀ NGƯỜI DÂN VỀ VẤN ĐỀ BUÔN BÁN PHỤ NỮ - TRẺ EM

I. Hiểu biết của cán bộ và người dân về tình hình buôn bán phụ nữ trẻ em

25

II. Hiểu biết của trẻ em vị thành niên về vấn đề BBPNT

31

33

CHƯƠNG IV. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG BUÔN BÁN PHỤ NỮ - TRẺ EM ĐÃ TIẾN HÀNH TẠI ĐỊA BÀN KHẢO SÁT

I. Hoạt động truyền thông

35

II. Hoạt động tái hòa nhập cộng đồng

37

III. Hoạt động phòng chống tội phạm

39

IV. Xu hướng, nguy cơ của nạn bbpnt tại các địa bàn khảo sát trong thời gian tới

40

43

CHƯƠNG V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP PHÙ HỢP TẠI CÁC ĐỊA BÀN KHẢO SÁT

I. Kết luận

43

II. Kiến nghị các hoạt động can thiệp phù hợp

45

49

PHỤ LỤC

LỜI CẢM ƠN

Đợt khảo sát và việc góp ý hoàn thiện báo cáo được thực hiện bởi Chủ đề Quyền Phụ nữ - tổ chức ActionAid Việt Nam. Các điều phối viên, cán bộ Chủ đề quyền Phụ nữ và dự án Phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em, cán bộ chương trình của tổ chức ActionAid tham gia bao gồm Hà Thị Quỳnh Anh, Swairee-Rupasinghe, Lê Thúy Hạnh, Hồ Xuân Huy, Trần Thu Hằng, Phạm Thị Thu Hằng, Vũ Xuân Hiếu và Vũ Anh Đức.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo, hỗ trợ về công tác tổ chức, sự tham gia nhiệt tình, trách nhiệm trong cung cấp - chia sẻ đầy đủ thông tin trong suốt quá trình khảo sát của Ủy ban Nhân dân và Hội Phụ nữ cấp tỉnh; Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Công An, Hội phụ nữ và các ban ngành – đoàn thể các cấp huyện/thị – xã/phường cũng như phụ nữ và nam giới trong cộng đồng tại 4 địa bàn khảo sát: Huyện Tủa Chùa (tỉnh Điện Biên), Thị xã Cao Bằng (tỉnh Cao Bằng), Huyện Thủy Nguyên (Thành phố Hải Phòng) và Huyện Tam Bình (tỉnh Vĩnh Long).

Hỗ trợ kỹ thuật khảo sát và báo cáo này do tư vấn nghiên cứu: Phan Thị Hòa – Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ - Trường Cán bộ Phụ nữ Trung Ương thực hiện.



I. BỐI CẢNH

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại “Hội thảo quốc gia về phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em tại Việt Nam” ngày 19-20/6/2008¹, trong vòng 8 năm trở lại đây, hơn 21.000 phụ nữ - trẻ em vắng mặt lâu ngày, và nghi bị buôn bán ra nước ngoài; khoảng 177.000 phụ nữ kết hôn với nước ngoài, trong số đó có bao nhiêu người bị lừa bán hiện chưa xác định được. Riêng 6 tháng đầu năm 2008, đã xảy ra 193 vụ buôn bán phụ nữ trẻ em, với 359 đối tượng phạm tội, có 429 PNTE bị buôn bán; nếu tính trung bình, mỗi ngày Việt Nam có trên 2 phụ nữ - trẻ em bị buôn bán².

Cũng tại hội thảo cấp quốc gia nói trên, theo tổ chức Lao động Quốc tế ILO, Việt Nam đang phải đối mặt với nạn buôn bán phụ nữ - trẻ em ngày càng phức tạp, không còn đơn thuần buôn bán vì mục đích mại dâm, kết hôn cưỡng bức, bắt cóc... mà đã gắn liền với việc người lao động trẻ tuổi di cư ra các thành phố, khu công nghiệp để tìm kiếm việc làm.

Ngoài ra, thời gian gần đây xuất hiện bọn tội phạm với thủ đoạn mới, hoạt động ngày càng tinh vi. Bọn tội phạm người Việt Nam câu kết với các đối tượng người Trung Quốc, lợi dụng địa bàn miền núi vắng vẻ, tổ chức thành từng toán đột nhập vào nhà dân, giết người thân, chiếm đoạt, bắt cóc trẻ em. Riêng tại tỉnh Hà Giang, trong năm 2007 và sáu tháng đầu năm 2008 xảy ra 31 vụ với 41 nạn nhân, trong đó có vụ giết cả hai vợ chồng, chiếm đoạt ba trẻ em trai³...

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng buôn bán phụ nữ - trẻ em (BBPNTE), nhưng nguyên nhân sâu xa nhất là do nghèo đói, phụ nữ mong muốn tìm việc làm, cải thiện điều kiện sống nhưng lại thiếu hiểu biết đầy đủ về vấn đề buôn bán phụ nữ trẻ em cũng như thủ đoạn của bọn buôn người. Một nguyên nhân nữa được nhiều cơ quan chức năng và cộng đồng quan tâm là sự suy giảm về hệ giá trị, đạo đức, lối sống, dẫn đến nữ thanh niên hoặc gia đình họ có sự lựa chọn nhầm lẫn cho cuộc sống, nhất là trong vấn đề kết hôn với người nước ngoài, tạo điều kiện cho bọn buôn người dùng các thủ đoạn lừa gạt. Bên cạnh đó, BBPNTE là hoạt động phi đạo đức thu lợi nhuận rất cao, cao hơn cả buôn bán ma túy nhưng luật pháp toàn thế giới và ở Việt Nam chưa có án tử hình loại tội phạm này nên đây là loại tội phạm đang có diễn biến khá phức tạp, khó kiểm soát.

Xét về những tổn thất về người và xã hội, khi phụ nữ - trẻ em rơi vào hoàn cảnh bị buôn bán, những hậu quả đối với họ là

1 Hội thảo do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội và Văn phòng tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (ILO) tổ chức vào ngày 19-20/6/2008 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án Phòng chống buôn bán Phụ nữ và Trẻ em (ILO/IPEC)

2 Theo Thiếu tướng Vũ Hùng Vương, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát (Bộ Công an) tại cuộc họp báo sáng ngày 27/6/2008, công bố Thông tư liên tịch số 03/2008 hướng dẫn trình tự, thủ tục xác minh, tiếp nhận phụ nữ trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về do Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Ngoại giao phối hợp tổ chức

3 Hội thảo về nâng cao hiệu quả phòng chống buôn bán người tại Hà Nội giữa Ban chỉ đạo 130/CP phối hợp Quỹ châu Á tổ chức ngày 9-9-2008

không thể đo đếm hết được. Họ có thể bị tổn thương về tâm lý và thể chất, bệnh tật, phát triển lệch lạc và có thể để lại những di chứng vĩnh viễn do bị lạm dụng thể chất và sức lao động, bị bóc lột tình dục, bị mua đi bán lại nhiều lần, bị đánh đập, hành hạ hoặc đe dọa.... Buôn bán người còn được xét đến là “nguyên nhân làm thúc đẩy sự suy yếu và sụp đổ xã hội; suy yếu nguồn vốn con người của các quốc gia, kìm hãm sự phát triển; khuyến khích tội phạm có tổ chức và làm suy yếu quyền lực của chính phủ”⁴

Thực hiện các cam kết về xóa đói giảm nghèo, tạo quyền cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm đảm bảo vị trí xã hội của họ và giúp đỡ họ được hưởng những quyền mà họ xứng đáng được hưởng, Chủ đề Quyền phụ nữ thuộc tổ chức ActionAid Việt Nam thực hiện đợt nghiên cứu - khảo sát về thực trạng buôn bán phụ nữ - trẻ em tại một số vùng dự án. Mục tiêu của đợt khảo sát nhằm mô tả được thực trạng vấn đề, từ đó đưa ra những giải pháp hữu ích để cùng với Chính phủ Việt Nam và cộng đồng quốc tế thực hiện tốt hoạt động phòng chống BBPNT, giảm thiểu số lượng phụ nữ và trẻ em bị buôn bán cả ở trong nước và nước ngoài thông qua công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đồng thời hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cũng như tạo quyền cho người trở về, phòng ngừa tội phạm, thúc đẩy sự phát triển xã hội.

II. MỤC TIÊU CUỘC KHẢO SÁT

Cuộc khảo sát này nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1. *Mô tả thực trạng vấn đề (BBPNT) tại các tỉnh mà tổ chức ActionAid hỗ trợ một số hoạt động can thiệp*

2. *Tìm hiểu nhận thức của người dân và cán bộ về vấn đề BBPNT tại các vùng khảo sát*
3. *Tìm hiểu mức độ can thiệp và những khó khăn, thuận lợi của các hoạt động phòng chống BBPNT tại các địa bàn khảo sát do các cơ quan, tổ chức tiến hành (các hoạt động truyền thông phòng ngừa, tái hòa nhập cộng đồng, phòng chống tội phạm)*
4. *Đề xuất các hoạt động can thiệp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống buôn bán phụ nữ - trẻ em tại các vùng khảo sát (bao gồm các hoạt động truyền thông, tái hòa nhập cộng đồng và công tác phòng chống tội phạm trong nhân dân)*

III. ĐỊA BÀN, PHƯƠNG PHÁP, ĐỐI TƯỢNG VÀ CỖ MẪU NGHIÊN CỨU

1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu đã được tiến hành tại 8 xã/phường ở 4 huyện/thị thuộc 4 tỉnh Điện Biên, Cao Bằng, Hải Phòng và Vĩnh Long. Đây là các huyện/thị được lựa chọn có các xã thực hiện dự án hoặc gần địa bàn các xã thực hiện dự án hỗ trợ của ActionAid Việt Nam. Tại Cao Bằng, địa bàn được chọn là thị xã Cao Bằng và 2 xã/phường: phường Sông Hiến và xã Duyệt Trung. Tại Điện Biên, Huyện Tủa Chùa với 2 xã được lựa chọn là Mường Báng và Sính Phình. Đối với thành phố Hải Phòng, Huyện Thủy Nguyên và hai xã được lựa chọn khảo sát là Tân Dương và Trung Hà. Tại Vĩnh Long, huyện được lựa chọn là Tam Bình, với 2 xã khảo sát là Ngải Tứ và Song Phú (thông tin chi tiết về địa bàn khảo sát xem phần phụ lục)

⁴ Nguồn: Báo cáo về nạn buôn người – Văn phòng Giám sát và Chống buôn người Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ công bố Ngày 5 tháng 6 năm 2006

2. Phương pháp, đối tượng và mẫu nghiên cứu

2.1 Phương pháp nghiên cứu

Nhằm thu được thông tin đầy đủ về vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em tại cộng đồng, đạt được các mục tiêu đề ra, nghiên cứu – khảo sát này sử dụng các phương pháp sau:

- Sử dụng số liệu thống kê và báo cáo thứ cấp của cấp huyện/thị và xã/phường*
- Sử dụng phương pháp điều tra xã hội học kết hợp nghiên cứu định lượng (phỏng vấn bằng bảng hỏi) và định tính (tọa đàm lãnh đạo, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trẻ em)*
- Để khuyến khích tối đa sự chủ động tham gia của người dân vào quá trình cung cấp thông tin, nghiên cứu này cũng sử dụng phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) với các công cụ: phân tích môi trường hiện trạng SWOT, cây nhân quả, bảng phân tích vấn đề, sơ đồ đi lại và giản đồ Venn*

2.2 Đối tượng khảo sát

Đối tượng được lựa chọn trong cộng đồng bao gồm lãnh đạo cấp huyện/thị; xã/phường và người dân trong cộng đồng từ 18 tuổi trở lên, trẻ em từ 10-15 tuổi; người trở về hoặc thân nhân những người bị buôn bán hiện vẫn chưa trở về; nhóm phụ nữ - trẻ em có nguy cơ cao bị buôn bán.

2.3 Cơ mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu định lượng

Cơ mẫu được lựa chọn để phỏng vấn bằng bảng hỏi tại mỗi xã/phường là 40, trong đó có 10 cán bộ, 10 nam giới và 20 phụ nữ từ 18 tuổi trở lên. Trên thực tế, tại xã Song Phú huyện Tam Bình, số phiếu phỏng vấn tăng lên 3 nên tổng số phiếu điều tra là 323 phiếu (cả nam và nữ).

Thông tin về các đối tượng được phỏng vấn bằng bảng hỏi như sau:

Trong tổng số 323 người được phỏng vấn, có 27,5% là cán bộ và 74,3% là người dân trong cộng đồng, số nam giới chiếm 39% và nữ giới chiếm 61%. Về tình trạng hôn nhân, có 9,9% trong số họ chưa lập gia đình, 87,6% đã có gia đình, 2,2% đơn thân và 0,3% chung sống với người khác giới không kết hôn.

Tuổi trung bình của người được hỏi là 40,77; số con trung bình của họ là 2,61; tuổi trung bình của người con lớn nhất là 19,12; và tuổi trung bình của người con nhỏ nhất là 13,84.

Phân nhóm theo độ tuổi, có 17,9% người được hỏi ở tuổi dưới 30; 45,1% từ 30 đến 45 tuổi và 37% từ 45 tuổi trở lên.

Về số con, có 9,1% số người được hỏi chưa hoặc không có con, 49,8% có từ 1-2 con và 41,1% có từ 3 con trở lên.

Về độ tuổi của người con lớn nhất, có 34,5% có con dưới 15 tuổi, 36,1% có con từ 15-25 và 28,6% có con lớn nhất trên 25 tuổi.

Về độ tuổi của người con nhỏ nhất, có 51,1% có con dưới 15 tuổi, 43,6% có con từ 15-25 và 5,3% có con trên 25 tuổi.

Như vậy, thông tin chung về người trả lời cho thấy đa phần họ có gia đình, ở độ tuổi trung niên, có con cái ở tuổi vị thành niên và thanh niên, là độ tuổi cần quan tâm về quan hệ bạn bè, xã hội, cần giáo dục về vấn đề phòng tránh nguy cơ bị bọn buôn người dụ dỗ, buôn bán

Mẫu nghiên cứu định tính:

Tại mỗi huyện/thị, nhóm nghiên cứu tổ chức tọa đàm với 10-12 cán bộ lãnh đạo các ban ngành chức năng có liên quan đến công tác phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em. Tại mỗi xã/phường, số mẫu nghiên cứu là 12-14 cán bộ lãnh đạo các

ban ngành; 24 người dân cả nam và nữ và 8-10 trẻ em từ 10-15 tuổi để thực hiện các công cụ nghiên cứu khác nhau. Tổng số có 4 cuộc tọa đàm tại 4 huyện/thị xã, 32 thảo luận nhóm, 48 phỏng vấn sâu.

Bảng thống kê mẫu nghiên cứu định lượng và định tính tại mỗi xã/ phường; huyện/thị và các công cụ nghiên cứu đã áp dụng như sau:

STT	Cỡ mẫu	Công cụ sử dụng
Tại Huyện/Thị		
1	10-12 cán bộ lãnh đạo Đảng ủy, chính quyền, đoàn thể cấp huyện	Tọa đàm tại Huyện
Tại tại mỗi xã (02 xã/huyện)		
2.	10 cán bộ chính quyền, các ban ngành	Phỏng vấn bảng hỏi
	20 phụ nữ 18-55 tuổi	
	10 nam giới 18-60 tuổi	
3.	8-10 phụ nữ 18-55	Thảo luận nhóm nữ (Sơ đồ đi lại, Giải đồ Venn)
4.	5 phụ nữ, 5 nam giới 18-55 tuổi	Thảo luận nhóm hỗn hợp (Cây nhân quả, bảng phân tích vấn đề)
5.	8-10 trẻ em từ 10-15 tuổi	Thảo luận nhóm trẻ em
6.	10-12 lãnh đạo xã (trong đó có 02 trưởng thôn, 02 tổ trưởng phụ nữ thôn)	Thảo luận nhóm lãnh đạo (Phân tích môi trường hiện trạng SWOT)
7.	02 lãnh đạo UBND, HPN	Phỏng vấn sâu
8.	02 nạn nhân trở về/người thân gia đình	Phỏng vấn sâu
9	01 phụ nữ nguy cơ cao (phụ nữ trong gia đình bất hạnh, nghèo, thường đi làm xa, lớn tuổi muốn lập gia đình...)	Phỏng vấn sâu
10	01 trẻ em nguy cơ cao (trẻ trong gia đình bất hạnh, trẻ em hư)	Phỏng vấn sâu

IV. PHẠM VI CUỘC KHẢO SÁT

Đây là cuộc nghiên cứu – khảo sát được thực hiện tại một số tỉnh có hoạt động dự án của Tổ chức ActionAid Việt Nam, không đại diện cho các vùng trong cả nước.

V. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ SỐ LIỆU

Các thông tin định lượng thu được từ phiếu điều tra đã được tổng hợp và phân tích trên phần mềm thống kê chuyên dụng trong xử lý số liệu điều tra xã hội học.

Các thông tin được phân tích tương quan theo địa bàn điều tra: cấp xã/phường; huyện/thị; theo nghề nghiệp; theo độ tuổi, theo tình trạng hôn nhân, theo số con, và

theo tuổi của con của những người được hỏi. Phân tích này nhằm mô tả rõ hơn nhận thức của người dân và cán bộ về vấn đề BBPNTE có liên quan đến các yếu tố nghề nghiệp, độ tuổi và số con, tuổi con của họ. Đồng thời, các chỉ số tương quan này cũng giúp kết quả nghiên cứu chỉ ra những đối tượng có hiểu biết chưa rõ về vấn đề BBPNTE, nhằm có những khuyến nghị các hoạt động của tổ chức ActionAid tập trung vào các đối tượng đặc thù trong cộng đồng để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác phòng chống BBPNTE.

Thông tin định tính từ các cuộc tọa đàm, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu được thống kê, phân tích, tổng hợp và sử dụng để bổ sung và giải thích sâu hơn cho các số liệu định lượng.



Thực trạng vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em tại các địa bàn khảo sát

1. TÌNH TRẠNG PHỤ NỮ - TRẺ EM BỊ BUÔN BÁN HOẶC NGHI BỊ LỪA GẠT, BUÔN BÁN VÀ CUỘC SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ TRỞ VỀ

Theo thống kê, báo cáo của các huyện/thị xã/phường, và theo thông tin từ các thảo luận nhóm cũng như phỏng vấn sâu trong cộng đồng, tình trạng phụ nữ - trẻ em thuộc diện bị buôn bán hoặc có các dấu hiệu nghi bị buôn bán diễn ra ở tất cả các địa bàn khảo sát. Số lượng và thời điểm diễn ra các vụ việc này ở các địa bàn có khác nhau. Tình trạng phụ nữ trẻ em bị buôn bán và nghi bị buôn bán thuộc 2 dạng: 1) bị buôn bán hoặc nghi bị buôn bán sang bên kia biên giới Trung Quốc lấy chồng hoặc các mục đích vô nhân đạo khác; và 2) một số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài có yếu tố bị lừa gạt, buôn bán.

1.1. Phụ nữ - trẻ em bị buôn bán và nghi bị lừa gạt, ép buộc, buôn bán sang Trung Quốc

Phụ nữ - trẻ em bị buôn bán hoặc nghi bị lừa gạt, ép buộc, buôn bán sang Trung Quốc lấy chồng hoặc các mục đích vô nhân đạo khác diễn ra phổ biến ở địa bàn thị xã Cao Bằng và huyện Thủy Nguyên chủ yếu vào thời gian từ trước những năm 1998 – 2002 và có xu hướng giảm. Còn tại huyện Tủa Chùa, tình trạng này diễn ra ít hơn và có sự gia tăng trong thời gian gần đây.

Thị xã Cao Bằng có khoảng 224 phụ nữ xuất cảnh trái phép qua biên giới Trung Quốc làm ăn và lấy chồng, bao gồm cả số tự nguyện đi và bị buôn bán. Số trẻ em gái bị bán là 6 em. Có 9 đối tượng phạm tội

BBPNTNTE đã bị phát hiện và xử lý theo pháp luật. Gần đây có trường hợp lừa bán 4 trẻ em gái sang Trung Quốc đã bị bắt, đang chờ khởi tố, 1 em đã trở về nhưng vẫn còn 3 em chưa có tin tức gì. Tại Phường Sông Hiến, theo số liệu của Công An Phường, đã có 46 phụ nữ và 1 trẻ em sang Trung Quốc, trong đó theo thống kê của Hội Phụ nữ xã, có 37 phụ nữ và 1 trẻ em nghi bị buôn bán. Tại xã Duyệt Trung, theo thống kê của xã, đã có 19 phụ nữ sang Trung Quốc, trong đó theo số liệu của Hội phụ nữ xã, có 7 phụ nữ và 1 trẻ em có dấu hiệu chính xác bị buôn bán.

Huyện Thủy Nguyên có khoảng 1300 phụ nữ nghi bị buôn bán và chưa thống kê số trẻ em bị bắt cóc, buôn bán. Theo số liệu của Công An huyện, tính từ năm 1989 đến năm 2004, đã có 16 vụ BBPNTNTE được khởi tố theo pháp luật. Ở xã Tân Dương, theo số liệu từ Hội phụ nữ, cả xã có 22 phụ nữ và 1 trẻ em nghi bị buôn bán, đến nay có 10 phụ nữ và 1 trẻ em chưa có tin tức gì. Còn ở xã Trung Hà, cũng theo số liệu từ Hội Phụ nữ, con số này có khoảng 20 phụ nữ; một số người không có tin tức gì, còn lại đa phần về thăm nhà rồi lại đi.

Ở huyện Tủa Chùa, theo báo cáo của cơ quan chức năng thì tình trạng này mới xảy ra năm 2007, có 2 phụ nữ ở xã Mường Báng bị nhóm 4 tên từ Mường Khương rủ đi bán váy áo Mông và lừa bán sang Trung Quốc, hiện chưa tìm được về; 3 tên tội phạm đã bị xét xử công khai. Theo báo cáo của xã Sính Phình, năm 2008, có 3 em học sinh học tại trường nội trú của huyện bị nhóm 3 tên từ Lào Cai đến giả vờ yêu đương, lừa rủ đi chơi, do công an Lào Cai kịp thời ngăn chặn, 2 em đã trở về, 1 em chưa có tin tức. Tuy nhiên, qua thông tin bổ sung từ các cuộc tọa đàm cấp huyện và

thảo luận nhóm cộng đồng, từ trước năm 2006, đã có trường hợp đi rồi không thấy trở về (chị Mào Thị Thương, đi năm 1998 không thấy về), hoặc có trường hợp em lừa bán chị nhưng chị trốn về được (Tọa đàm lãnh đạo Huyện Tủa Chùa). Tại thảo luận nhóm trẻ em xã Mường Báng, em Tầm dân tộc Thái cho biết chị họ của em tên là Mỏ, sau khi li dị chồng đã có người đến rủ đi buôn rồi bán cho người Trung quốc làm vợ cách đây 5-6 năm; chị đã về thăm nhà rồi lại đi.... Như vậy, hiện tượng BBPNT ở huyện Tủa Chùa cũng đã diễn ra lẻ tẻ từ năm 1998 nhưng gần đây liên tiếp xảy ra 02 vụ. Thực trạng này tuy chưa phổ biến như các địa bàn khác nhưng đã có dấu hiệu của đường dây có tổ chức, có bài bản (nhóm 4 tên đến Mường Báng, nhóm 3 tên đến Sính Phình đều là người Mông đến từ Lào Cai rủ phụ nữ đi bán vải, hoặc nhận là người yêu rủ đi chơi xa...).

Theo nhận định của các cơ quan chức năng địa phương, đa số những người ra đi là bị lừa, một số tự nguyện, một số ít định đi rồi sẽ về nhưng vì lý do nào đấy mà ở lại. Nhưng hầu hết những người trở về đều khai là họ bị lừa gạt, ép buộc, bị bán sang bên kia biên giới Trung Quốc.

1.2. Phụ nữ kết hôn với người nước ngoài nhưng một số trường hợp có yếu tố bị lừa gạt, buôn bán.

Ở huyện Tam Bình và ở cả Thủy Nguyên, trong những năm gần đây, tình trạng phụ nữ lấy chồng nước ngoài diễn ra phức tạp và có chiều hướng gia tăng ở huyện Thủy Nguyên.

Theo số liệu thống kê cấp huyện, huyện Thủy Nguyên trong những năm gần đây đã có 800 chị lấy chồng nước ngoài. Trong đó, con số này ở xã Tân Dương khoảng 30 (phỏng vấn sâu Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) còn ở xã Trung Hà cũng có khoảng 30 người (thảo luận nhóm nữ trong cộng đồng).

Huyện Tam Bình có 562 chị lấy chồng nước ngoài bao gồm 439 chị lấy chồng Đài Loan, 12 chị lấy chồng Hàn Quốc, 78 chị lấy chồng Mỹ, 8 chị lấy chồng người Úc. Số người lấy chồng nước ngoài ở xã Ngải Tứ là 139 chị. Số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài ở xã này đang có chiều hướng giảm (phỏng vấn sâu Bí thư Đảng ủy xã Ngải Tứ). Theo số liệu từ Công an xã Song Phú, số chị lấy chồng nước ngoài ở xã này là 36 chị. Hiện nay xu hướng chung ở hai huyện Thủy Nguyên và Tam Bình là phụ nữ lấy chồng Hàn Quốc thay vì Đài Loan như trước đây vì thủ tục dễ dàng hơn.

Ngoài những cặp kết hôn do hai bên nam nữ tự quen biết và tìm hiểu, phụ nữ lấy chồng nước ngoài về hình thức chủ yếu thông qua mai mối do người quen biết giới thiệu hoặc do người mai mối tại chỗ móc nối với đường dây mai mối từ nơi khác. Quá trình nam giới nước ngoài đến xem mặt chọn vợ Việt được tổ chức một cách kín đáo. Tại huyện Thủy Nguyên, tình trạng này đang diễn ra ở các khách sạn ven hoặc trong thành phố Hải Phòng. Còn ở huyện Tam Bình, hình thức này cũng đã diễn ra ở xã Tân Phú năm 2001 và ở xã Ngải Tứ năm 2004 nhưng hiện nay thì đã chuyển về thành phố Hồ Chí Minh. Anh Nguyễn Văn Thương, trưởng Công an xã Song Phú cho biết “Hiện ở xã cũng có một bà chuyên làm mai mối. Bà ấy cứ đi đi về về lên thành phố đôi ba hôm. Bà ấy chưa đi nước ngoài nhưng có thân nhân ở nước ngoài”. Tại xã Trung Hà, vấn đề nóng đang nổi lên hiện nay là một số phụ nữ lấy chồng nước ngoài trở về, thông tin đến cộng đồng về một viễn cảnh tương lai tốt đẹp, đồng thời trực tiếp làm môi giới cho các nữ thanh niên trong họ hàng, trong cộng đồng lấy chồng Hàn Quốc, tạo nên một phản ứng dây chuyền rất đáng lo ngại: “Tâm lý của nữ thanh niên là xếp hàng chờ lấy chồng ngoại đang gia tăng” (Ý kiến Bí thư Đảng ủy xã Trung Hà).

Trong số phụ nữ lấy chồng người nước ngoài, theo đánh giá của cộng đồng, một số gặp may mắn, cuộc sống ổn định, quay trở về trả được nợ, xây nhà cho cha mẹ; nhưng một số khác phải trở về sinh sống ở địa phương do gặp rủi ro trong hôn nhân. Ngoài ra, một số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài gặp phải một số yếu tố bị mua bán, lừa gạt trong quá trình kết hôn, biểu hiện như:

- Ở Huyện Thủy Nguyên, các gia đình có con lấy chồng nước ngoài phải chi phí một khoản tiền lớn (trước đây khoảng 30-40 triệu đồng còn hiện nay là 10-15 triệu đồng) để trả cho người môi giới (Phòng vấn sâu Phó chủ tịch UBND xã Tân Dương)
- Còn ở huyện Tam Bình, khi con kết hôn, gia đình nhận được một khoản tiền là 1 cây vàng và 700\$ nhưng có gia đình sau khi chi phí cưới xin, trả tiền cho mai mối xong thì chỉ còn 5 triệu đồng. Tuy nhiên ở một số gia đình khác, gia đình không được nhận tiền do gả bán con, lại bị mất một khoản khác chi trả cho môi giới; một số gia đình khác sau khi bỏ tiền ra tổ chức đám cưới và chi trả cho môi giới, thì việc hôn nhân vẫn không thành.
- Ở huyện Thủy Nguyên, một số phụ nữ có thể được “chống” đến lựa chọn, và chung sống thử để tìm hiểu lẫn nhau ngay khi cuộc xem mặt chọn vợ thành công, tổ chức đám cưới một cách nhanh chóng, nhưng sau khi chờ đợi làm thủ tục kết hôn, lại không được “chống” quay lại đón sang; vì vậy có người lỡ mang thai hoặc chịu những thương tổn về mặt tinh thần (phòng vấn sâu chủ tịch Hội Phụ nữ xã Trung Hà- huyện Thủy Nguyên).
- Tại huyện Thủy Nguyên, một số phụ nữ có thể được sang ở với “chống”, nhưng không phải với người chống đã sang tổ chức đám cưới với họ tại Việt Nam, không có điều kiện sống tốt như được hứa hẹn



Thảo luận nhóm lãnh đạo huyện Thủy Nguyên

mà sống với người chồng khác, già hơn, cuộc sống vất vả ở vùng sâu, vùng xa; thậm chí bị gả làm vợ hai, làm giúp việc cho gia chủ; một số bị chồng hờ lừa gạt bán cho người khác, một số phải trở về vì lao động vất vả, khác biệt văn hóa, ngôn ngữ bất đồng (Báo cáo tình hình buôn bán phụ nữ huyện Thủy Nguyên).

- Ở cả huyện Thủy Nguyên và Tam Bình, một số chị đã hoàn tất thủ tục kết hôn, có thời gian chung sống với chồng ở nước ngoài, nhưng do phong tục tập quán, ngôn ngữ, lối sống, nên bất hòa, hoặc bị bạc đãi, bị lạm dụng sức lao động, phải trở về (xem thêm phần hoàn cảnh sống của phụ nữ - trẻ em sau khi có dấu hiệu bị buôn bán)

Xem xét một cách khách quan từ cộng đồng và các cơ quan chức năng, việc phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài là một hành vi hợp pháp, được pháp luật thừa nhận về quyền hôn nhân tự nguyện. Nhưng quá trình kết hôn một cách chóng vánh, ngắn ngủi, không do kết quả của tình yêu nam nữ, ít cân nhắc đến các yếu tố hòa hợp lâu dài trong hôn nhân như

tính cách, hệ giá trị và các quan điểm sống, ứng xử văn hóa và phong tục tập quán giữa hai bên của một số thanh nữ ở hai huyện Thủy Nguyên và Tam Bình đang khiến cộng đồng bất bình. Nhiều người cho rằng, việc tự nguyện kết hôn ở đây thực chất là do phụ nữ chấp nhận tự nguyện để nam giới nước ngoài đến lựa chọn họ “như lựa chọn một món hàng” và chấp nhận cuộc hôn nhân cầu may được đổi đời ở xứ người. Rõ ràng là hôn nhân trong các trường hợp này đã có yếu tố vụ lợi kinh tế cũng như yếu tố mua bán đổi chác. Phụ nữ coi việc đăng ký kết hôn “như một cuộc bán mình”, và hôn nhân ở xứ người là phương tiện để giải quyết vấn đề kinh tế hay bế tắc nghề nghiệp, bế tắc về tương lai trong cuộc sống của họ. Nhưng ngược lại, họ chưa ý thức được rằng, với cuộc “dấn thân” này, đời sống của những cô dâu Việt sẽ mang đầy những điều kiện yếu thế về ngôn ngữ, tập quán, lối sống cùng các điều kiện về luật pháp, chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân ở nơi họ sẽ đến làm dâu. Đây chính là các yếu tố rủi ro cho cả cuộc sống hạnh phúc bền vững của họ. Rồi những diễn biến bên trong những cuộc hôn nhân đó như bất hòa, bất đồng văn hóa, bạo lực, bị xem như người ở, bị hạ thấp nhân phẩm và vi phạm quyền con người là điều dễ xảy ra. Việc phân tích về hành vi phụ nữ kết hôn tự nguyện với người nước ngoài cũng chính là những nội dung gợi ý mà công tác tư vấn và truyền thông về vấn đề này cần quan tâm.

Tìm hiểu thêm thông tin tại Hàn Quốc về việc nam giới Hàn Quốc kết hôn với phụ nữ Việt, nhóm nghiên cứu cũng tìm được những thông tin tương tự khẳng định cho vấn đề này.

Sau sự kiện tờ nhật báo Chosun ngày 21/4/2006 đăng bài phóng sự “Những trinh nữ Việt Nam hướng đến miền đất hứa Hàn Quốc” của tác giả Seung Woo Chae, ghi lại quá trình một người đàn

ông Hàn Quốc 35 tuổi thất nghiệp đến Việt Nam chọn vợ một cách đầy vô cảm và chóng vánh; đồng thời sau hàng loạt hoạt động biểu tình phản đối của sinh viên và một số tổ chức tại Hàn Quốc về việc đăng bài viết này; một nhà báo Hàn Quốc đã tìm hiểu tương đối đầy đủ tình hình khách quan về nam giới Hàn Quốc cưới vợ Việt. Tác giả này đã gửi kết quả cho báo Tuổi trẻ Việt Nam. Bài báo được đăng ngày 25/04/2006 đã cho thấy những điều bất thường, những yếu tố mua bán phụ nữ Việt để làm vợ của những dịch vụ môi giới hôn nhân Hàn Quốc. Và chính người Hàn Quốc cũng đang đặt câu hỏi: Cưới hay mua vợ Việt Nam?

“Theo Cục Thống kê Hàn Quốc, chỉ trong vòng năm năm, tỉ lệ kết hôn với người nước ngoài của Hàn Quốc tăng lên ba lần, trong đó tỉ lệ lấy vợ VN lên đến 43 lần, năm 2001 là 134 người, đến năm 2005 là 5.822 người. Con số này chiếm 1/5 tổng số người Hàn Quốc kết hôn với người nước ngoài, đứng thứ hai sau Trung Quốc (18.527 người). Các cuộc hôn nhân này chủ yếu được thực hiện thông qua công ty môi giới hôn nhân, tổ chức tôn giáo hoặc thông qua trung gian cá nhân”.

“Hiện nay ở Hàn Quốc, trên bất kỳ nhật báo nào cũng dễ dàng tìm thấy những lời quảng cáo như: *“Cô dâu Việt Nam đã sẵn sàng, chỉ cần có ý định (của bạn)”*, *“Người già, người muốn tái hôn, người đã có con, người khuyết tật đều có thể lấy trinh nữ Việt Nam xinh đẹp”*. Những quảng cáo này còn liệt kê chi tiết về ưu điểm của con gái Việt Nam là: *“xuất giá tông phụ”, “tôn trọng người già, thờ cúng tổ tiên đến bốn đời”, “đáng người đẹp nhất trên thế giới”, “giữ gìn trinh tiết và chung thủy với chồng”, “vì đàn ông Việt Nam lười biếng nên ở nông thôn đi đâu cũng chỉ thấy phụ nữ làm việc, do vậy phụ nữ Việt Nam rất siêng năng, cần cù, không sợ lao động nặng nề ở vùng nông thôn Hàn Quốc”*... Thậm chí người ta còn thấy lan tràn khắp nơi những biểu ngữ,



Thảo luận nhóm lãnh đạo huyện Tam Bình-Vĩnh Long

apphich, poster, băngrôn, tờ rơi... kêu gọi kết hôn phụ nữ Việt Nam với lời lẽ mang tính sỉ nhục nặng nề hơn: “*sống thử sáu tháng, không bằng lòng thì đổi đi*”, “*giữ nhà tốt*”, “*phụ nữ Việt Nam không bao giờ chạy trốn*”. Và, “*100% thanh toán sau*” như một lời quảng cáo sản phẩm chính là “khẩu hiệu” của các công ty môi giới hôn nhân giữa đàn ông Hàn Quốc và phụ nữ Việt Nam. Hầu hết công ty môi giới hôn nhân đều tự đề cao chất lượng “món hàng” và dịch vụ hậu mãi của mình: “*Tuyển chọn gắt gao các tiêu chuẩn của cô dâu về sức khỏe và phẩm hạnh*”, “*Chỉ thanh toán sau khi đám cưới xong và trở về Hàn Quốc*”, “*Trong trường hợp ly dị mà lỗi thuộc về cô dâu thì công ty sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm tái hôn miễn phí*”⁵....

Trở lại với vấn đề BBPNTE tại các địa bàn khảo sát, thu thập thông tin từ cán bộ và người dân trong cộng đồng, kết quả nghiên cứu cũng khẳng định rằng tại tất

cả các xã/phường khảo sát, vấn đề buôn bán phụ nữ, trẻ em đã xảy ra. Có đến 46.4 % người trả lời biết rõ và cung cấp số người bị buôn bán cụ thể tại địa bàn. So sánh theo địa bàn, tỉ lệ người dân ở Thị xã Cao Bằng và Huyện Tủa Chùa khẳng định vấn đề này cao nhất, rồi đến người dân ở huyện Thủy Nguyên và cuối cùng, chỉ có 9.6% người được khảo sát ở huyện Tam Bình có biết về số người bị buôn bán tại địa phương.

1.3. Tình hình phụ nữ - trẻ em bị buôn bán trở về tại các địa bàn khảo sát

Có 7/8 xã khảo sát có số liệu về số phụ nữ - trẻ em bị buôn bán trở về, và con số này không nhiều, do công tác khảo sát chính thức chưa được tiến hành, chỉ lấy theo số liệu theo dõi chưa đầy đủ của ngành Công An, hoặc Hội phụ nữ.

Tại Cao Bằng, số người trở về là 72 phụ nữ, trong đó có 5 trẻ em là con lai về theo mẹ; trong số này có 63 chị ở lại Thị xã, còn 9 chị đi nơi khác. Số phụ nữ trở về ở Phường Sông Hiến là 24 và có 3 trẻ em; xã Duyệt Trung có 6 phụ nữ trở về.

Tại huyện Tủa Chùa, ở xã Sinh Phình có 2 em bị lừa nhưng chưa qua biên giới thì Công an Lào Cai phát hiện được nên đã trở về.

Tại huyện Thủy Nguyên và xã Trung Hà, chưa thống kê số phụ nữ bị buôn bán sang Trung Quốc cũng như kết hôn với người nước ngoài trở về, chỉ tính riêng tại 3 xã Lập Lễ, Tam Hưng, Hoàng Động trong địa bàn huyện đã có khảo sát là 30 người lấy chồng nước ngoài trở về. Số phụ nữ bị buôn bán sang Trung Quốc trở về ở xã Tân Dương là 6, trong đó có 4 người mang theo con.

Tại huyện Tam Bình, trong số 562 chị lấy chồng nước ngoài có 21 chị đã trở về từ Đài Loan và 3 trường hợp mang con về.

⁵ Bài “Cưới hay mua vợ Việt Nam” - Báo Tuổi Trẻ Online, Thứ Ba, 25/04/2006

Trong số đó, số phụ nữ trở về ở xã Ngãi Tứ là 4 chị, 1 chị mang theo con; số chị trở về ở xã Song Phú là 5.

Theo ý kiến từ các cuộc tọa đàm cấp huyện/thị và phỏng vấn sâu, đa số người trở về là những người gặp nhiều rủi ro nơi họ đến và nhiều khó khăn lúc trở về. Mặc dù hầu hết trong số họ đã có sự cố gắng vượt lên hoàn cảnh, tìm việc làm, xóa bỏ mặc cảm ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, nhiều người trong số họ còn rất khó khăn. Đơn cử, ở 2 xã thuộc huyện Thủy Nguyên,

phần lớn người trở về và con cái họ mang về chưa được làm lại chứng minh thư, hộ khẩu nên khó tìm được việc làm. Ở Thị xã Cao Bằng, người trở về có cuộc sống khó khăn, còn ít được các cơ quan, tổ chức cũng như những người xung quan quan tâm giúp đỡ, họ có nhiều mặc cảm, tâm lý không ổn định nên có nguy cơ trở lại Trung Quốc (Kết quả thảo luận nhóm lãnh đạo xã - phân tích hoạt động BBPNT tại phường Sông Hiến và xã Duyệt Trung- thị xã Cao Bằng)

Năm 1998, khi mới 21 tuổi, đang bụng mang dạ chửa, tôi đi Trung Quốc cũng chỉ vì ức chế do bị chống hành hạ. Cách đây 4 năm, tôi đã về quê với đứa con đầu, để lại Trung quốc 2 đứa con sau. Từ khi về đến nay, tôi không còn liên hệ gì với bên Trung Quốc nữa.

Hiện nay tôi đang ở với mẹ đã 76 tuổi trong một túp lều ở bờ mương. Mẹ tưởng tôi không về nên đã bán nhà trong lúc khó khăn. Ruộng đất thì đã bị anh rể lấn chiếm. Không có công ăn việc làm, ngày tôi đi bắt ốc và tối bán ốc luộc trước nhà để nuôi mẹ già.

Con trai tôi năm nay 20 tuổi. Ở Trung Quốc đi học không cần giấy chứng minh thư nên nó đã học hết lớp 8, nói tốt cả tiếng Trung, tiếng Việt, có thể làm phiên dịch và đánh máy vi tính tốt, nhưng vì hiện không có giấy tờ tùy thân nên không nơi nào nhận vào làm việc.

Tôi mong muốn được cấp giấy CMTND cho mình và con trai, được làm giấy khai sinh cho con trai tôi để chúng tôi yên tâm sinh sống và sớm có việc làm (PVS nạn nhân trở về - xã Tân Dương –Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)

Theo nhận định từ những người trả lời phiếu điều tra trong cộng đồng, họ cho rằng chỉ mới có 20,4% người trở về đã có cuộc sống ổn định và hòa nhập với cộng đồng, con số này ở Cao Bằng là cao nhất, chiếm 37,5% và thấp nhất là ở huyện Tam Bình, chỉ có 2,4%. Số còn lại thiếu việc làm, thiếu đất sản xuất, thiếu chỗ ở, bị bệnh tật, sức khỏe yếu hoặc gặp các khó khăn khác như thiếu giấy tờ tùy thân, gia đình không ổn định...

Nhìn chung, cộng đồng có thái độ cảm thông đối với người trở về (chiếm 47,5% ở thị xã Cao Bằng và 48,3% ở huyện Thủy Nguyên), việc xa lánh, kỳ thị, phân biệt đối xử diễn ra không đáng kể (chỉ từ 2,5% đến 5%); một số khác không tỏ thái độ gì (từ 7,5% đến 15%).

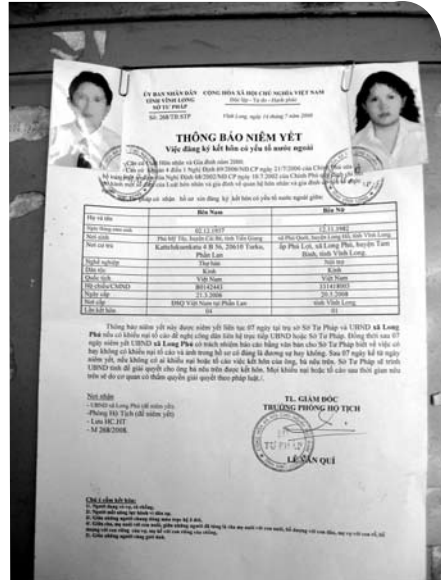
2. ĐỐI TƯỢNG PHỤ NỮ - TRẺ EM BỊ BUÔN BÁN, NGHỊ BỊ BUÔN BÁN TẠI ĐỊA BÀN KHẢO SÁT VÀ HOÀN CẢNH CỦA HỌ SAU KHI CÓ DẤU HIỆU BỊ BUÔN BÁN

Kết quả phân tích và xử lý số liệu từ phiếu điều tra cho thấy, ở các địa bàn nghiên cứu, cộng đồng cho biết phụ nữ bị buôn bán hoặc nghị bị buôn bán thuộc tất cả các đối tượng, hoàn cảnh sống. Trong đó, chiếm tỉ lệ cao nhất là phụ nữ đơn thân (24,5%), phụ nữ trong gia đình nghèo (chiếm 16,7%) và phụ nữ thất nghiệp (chiếm 14,6%). Phụ nữ đang có gia đình cũng trở thành đối tượng bị lừa gạt, buôn bán (13,%). Đây là những đối tượng bị lừa gạt, buôn bán chủ yếu sang Trung Quốc, từ thời gian trước đây.

Còn đối với thời gian gần đây, từ các nguồn thông tin sâu, ở huyện Thủy Nguyên, Tam Bình phụ nữ lấy chồng nước ngoài có yếu tố bị buôn bán thường là những cô gái trẻ, khoẻ và hình thức dễ coi: “*Thanh nữ tuổi từ 18-25 con gia đình có điều kiện có tiền trả cho bà mối để lấy chồng nước ngoài đang có xu hướng phát triển, nhưng trong quá trình kết hôn, có một số yếu tố bị lừa gạt*” (phỏng vấn sâu chủ tịch phụ nữ xã Trung Hà). Riêng ở 2 xã Sính Phình và Mường Báng huyện Tủa Chùa, đối tượng bị buôn bán là phụ nữ đang có chồng, gia đình ổn định nhưng thiếu việc làm hoặc muốn có việc làm đỡ vất vả hơn, có thu nhập cao hơn và có cả học sinh nữ ở trường nội trú của huyện, sống xa gia đình, thiếu người quản lý.

Đối với nạn nhân là trẻ em, không phải ở địa bàn nào cũng có trẻ em bị bắt cóc, buôn bán, mà chỉ ở thị xã Cao Bằng và huyện Thủy Nguyên mới có hiện tượng này.

Ở Cao Bằng, xã Duyệt Trung có 01 em bị bắt cóc, và ở xã Tân Dương, có 01 em cũng bị bắt cóc diễn ra từ những năm 1992-2000.



Thông báo niêm yết kết hôn có yếu tố nước ngoài

Theo báo cáo từ cấp huyện/thị, từ các cuộc phỏng vấn sâu lãnh đạo các Ủy ban nhân dân, Công An và Hội phụ nữ xã/phường, địa phương không thể biết hết được hoàn cảnh phụ nữ - trẻ em bị bán, do thiếu nguồn thông tin từ các cơ quan ở cấp cao hơn điều tra và thông báo hoặc thiếu nguồn thông tin từ mạng lưới phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em giữa các địa phương, giữa các quốc gia.

Tuy nhiên, theo các thông tin chưa đầy đủ, phần lớn là tập hợp từ những người trở về, qua dư luận quần chúng: phụ nữ bị lừa gạt, buôn bán sang Trung Quốc chủ yếu là lấy chồng ở các tỉnh vùng ven biên giới (nạn nhân từ Cao Bằng), cũng có thể vào sâu hơn trong nội địa Trung Quốc. Những người này có cuộc sống vất vả, bị lạm dụng sức lao động, bị hạ thấp về nhân phẩm, tước đoạt về nhân quyền do sống bất hợp pháp, cuộc sống cũng không khá giả, sung sướng hơn ở địa phương, đồng thời, bị tổn hại lâu dài về tâm lý, tình cảm, thể xác, tinh thần.

Khi chủ nhà ở Bằng Tường cho biết là em đã bị bán cho họ với giá 2,000 tệ, họ gả bán em cho một ông già nhưng em không đồng ý, thế là bị đánh ngất xỉu. Đến chiều tối mới đồng ý lấy một người đàn ông trẻ hơn. Cuộc sống khó khăn, làm ruộng vùng sâu toàn đá và lấy lợi cùng với bố mẹ chồng. Những ngày trôi qua buồn tẻ, chán ngán vì không có tình cảm, tình thương của gia đình. Người ta chỉ quý khi mình làm việc nhiều còn kể cả khi sinh đẻ cũng không được chăm sóc. Cuộc sống từ khi trở về rất khó khăn, bị ốm liên tục, khó tìm việc làm ổn định do sức khỏe không đảm bảo” (PVS nạn nhân trở về – xã Trung Hà – huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)

Những người trả lời phiếu điều tra cho biết, phụ nữ - trẻ em tại địa bàn của họ bị buôn bán thường bị cưỡng ép làm vợ, bóc lột tình dục (chiếm 21,4%), bị bóc lột sức lao động (chiếm 18,6%) và bị buộc phải làm gái mại dâm (16,1%).

“Mất mẹ năm lên 7; 16 tuổi đi làm phụ quán cơm ở thị xã Cao Bằng. Rồi bị một chị lừa đi xuống Hà Nội làm lương cao hơn nhưng thực chất là bán cho một quán mại dâm ở Pò Chài – Trung Quốc. Hai hôm sau lại bị bán tiếp vào trong Ninh Minh. Họ bảo hoặc làm gái hoặc sẽ bị bán làm vợ ở sâu hơn, thế là đành ở lại làm gái bán dâm cho chủ người Trung Quốc. Tới năm 2002, ông chủ bảo đã làm đủ số tiền mà ông ấy mua nên ông cho lựa chọn ở hay về thì tùy (PVS nạn nhân trở về – Phường Sông Hiến, thị xã Cao Bằng)

Đối với số phụ nữ kết hôn với người nước ngoài như Đài Loan, Hàn Quốc, Mỹ trong đó có yếu tố bị lừa gạt, buôn bán thì điểm định cư của họ là ở các quốc gia này. Đây là tình trạng mới diễn ra trong những năm gần đây, nên chưa có nhiều cuộc nghiên cứu, tổng kết, thống kê về hoàn cảnh sống của những phụ nữ này. Tuy nhiên, theo một số nguồn thông tin, tỉ lệ ly hôn trong nhóm này rất cao chiếm khoảng 30% (Ý kiến của Sở Tư Pháp TP Hồ Chí Minh - Tọa đàm tại Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng gia đình

năm 2007) - trong khi đó, tỉ lệ ly hôn/ly thân của các cặp vợ chồng trong nước hiện nay là 2,6%, trong đó ở thành thị là 3,3% và vùng nông thôn là 2,4%⁶. Lý do ly hôn là do cuộc sống lao động vất vả, lấy người chồng không như mong muốn, do bị bạc đãi hoặc bạo hành, do khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán...

6 Báo cáo Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006 – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tổng cục thống kê, Viện Gia đình và Giới; Quỹ Nhi đồng liên hiệp Quốc

Con gái tôi đi lấy chồng Đài Loan được 6 tháng thì trở về nước. Lúc về nó đứng ngoài lộ; người ta nói mợ Ba ơi con mợ về kìa, tôi chạy ra thấy con khóc. Nó bảo “con về thôi, nó đẩy con mẩn khổ ải, ngược đãi con mà không cho con tiền”. Bèn đó nó còn không cho con tôi gọi điện về nhà và mình gọi sang cũng không cho nghe. Chồng nó làm ở công ty, còn vợ nó ở nhà với bố mẹ chồng mần 60 công ruộng. Đến bữa ăn, chồng không kêu con nhỏ lên ăn cùng, nó ăn một mình, buồn không ăn được thì ngồi cầu thang khóc, nhớ mẹ quá chừng. Tội nghiệp. Con nhỏ làm ở nhà mẹ chồng một thời gian rồi bỏ ra ngoài làm cho công ty kiếm tiền để về. Khi về nước mang theo được 5-6 triệu gì đó và còn mang thai... (Phòng vấn mẹ của một phụ nữ lấy chồng nước ngoài trở về - xã Ngãi Tứ - Huyện Tam Bình – Vĩnh Long)

Theo luận án thạc sĩ (Khoa quan hệ quốc tế Trường Đại học Quốc gia Seoul – Hàn Quốc) của Hà Minh Thành⁷ với đề tài “Nghiên cứu về vấn đề kết hôn với người nước ngoài giữa Việt Nam và Hàn Quốc”, cho thấy: “giữa vợ Việt và chồng Hàn, trường hợp chênh lệch hơn 10 tuổi chiếm đa số (85%), trong đó chênh lệch hơn 20 tuổi chiếm 15% và bất mãn lớn nhất đối với chồng Hàn là vấn đề bạo lực (35%)”.

Còn theo một nhà báo Hàn Quốc, “Xu thế đàn ông Hàn Quốc già lấy vợ Việt Nam trẻ (trên dưới 20 tuổi) ngày càng tăng lên, theo đó hàng loạt vấn đề xã hội đã nảy sinh: *cưỡng ép con dâu phải theo lối sống nhà chồng, sự căng thẳng bởi bất đồng ngôn ngữ, đối xử như vật sở hữu, xem vợ như người phục vụ, người giúp việc không lương, bạo hành tình dục*. Hầu hết phụ nữ Việt Nam sang Hàn Quốc đều gặp phải những khó khăn không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt xã hội như bị kết hôn giả hay những cái nhìn phiến diện về gái mại dâm. Thậm chí gần đây, trong hợp đồng hôn nhân cũng có trường hợp ghi rõ các điều khoản đòi cha mẹ bồi thường khi cô dâu bỏ trốn. Trên thực tế, có trường hợp một người đàn ông Hàn Quốc 45 tuổi lấy vợ Việt Nam 19 tuổi, sau đó đã ly dị với lý

do “*vợ dẫy muộn, không lo bữa sáng cho con trai đang học cấp III*”, và gửi đơn khiếu nại đến Viện Bảo hộ người tiêu dùng để đòi lại những chi phí thủ tục kết hôn”⁸.

3. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG BUÔN BÁN PHỤ NỮ - TRẺ EM

Tổng hợp từ phân tích của người dân và cán bộ trong cộng đồng, tùy từng đặc điểm địa bàn, nguyên nhân của thực trạng buôn bán phụ nữ trẻ em có khác nhau, nhưng tựu chung lại có 5 nhóm nguyên nhân được cán bộ và người dân đề cập trong đợt khảo sát, đó là a) nguyên nhân từ phía phụ nữ bị buôn bán, b) nguyên nhân từ gia đình, c) nguyên nhân từ cộng đồng, d) nguyên nhân khách quan của vấn đề cung – cầu: nhu cầu cần phụ nữ làm vợ cũng như nhu cầu cần phụ nữ, trẻ em cho ngành công nghiệp tình dục ở các nước, và mong muốn của một số phụ nữ Việt về kết hôn với người nước ngoài, thay đổi cuộc sống, và e) nguyên nhân từ công tác phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em của các cơ quan chức năng.

7 Bài “Cưới hay mua vợ Việt Nam” - Báo Tuổi Trẻ Online, Thứ Ba, 25/04/2006

8 Bài “Cưới hay mua vợ Việt Nam” - Báo Tuổi Trẻ Online, Thứ Ba, 25/04/2006

a. Nguyên nhân từ phía phụ nữ

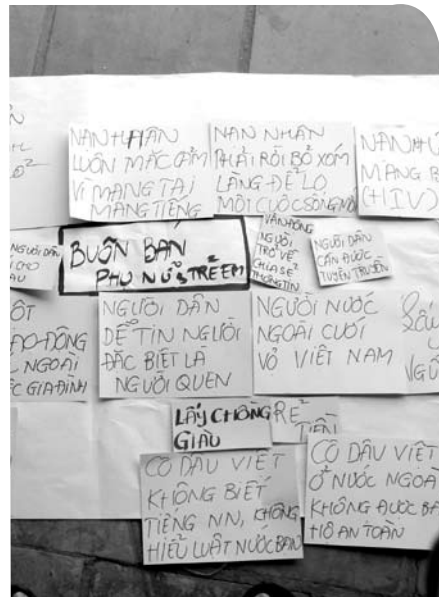
Đối với phụ nữ, cần được nhìn nhận rằng tất cả mọi phụ nữ đều có thể là đối tượng bị kẻ buôn người chú ý và dùng thủ đoạn lừa gạt. Qua phân tích từ các nguồn thông tin, phụ nữ ở các vùng miền, các độ tuổi ngày nay đều có trách nhiệm cao về lo toan kinh tế gia đình. Trong điều kiện khó khăn về việc làm, thu nhập, phụ nữ là người lao động rất vất vả (đặc biệt ở vùng miền núi như huyện Tủa Chùa,

phụ nữ làm việc gấp hai lần chồng – (tọa đàm lãnh đạo huyện Tủa Chùa). Chính vì vậy mà họ có nhu cầu chính đáng là tìm việc làm mới, hoặc mong muốn được làm những công việc đỡ vất vả, có thu nhập cao hơn, tìm kiếm một môi trường sống tốt hơn. Tuy nhiên điểm mấu chốt là do thiếu hiểu biết về vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em, thiếu hiểu biết các thủ đoạn của bọn buôn người nên phụ nữ dễ sa vào bẫy của chúng.

“Trước kia em làm nhân viên cửa hàng ăn uống ở Cao Bằng. Sau khi cửa hàng giải thể, theo chồng về quê chồng ở Vũ Thư - Thái Bình. Khi đó đã có chồng và một con trai. Năm 1996, do ở quê làm ăn khó khăn nên lên Cao Bằng tìm việc làm. Thế rồi gặp người quen rủ đi Trung Quốc buôn mận. Đi được 3 chuyến, đến chuyến thứ 4 thì bị bán. Lần đó đi từ Trà Lĩnh - Cao Bằng - sang Nam Ninh (Quảng Tây) rồi chuyển xe đi Nhức Lím. Từ đây lại bắt xe ôm vào thung lũng Mộc Cạc. Khi đó, người ta đưa vào luôn nhà chồng và nói rằng hoặc ở lại, hoặc sẽ bị đem bán vào sâu trong nữa. Đành ở lại với “chồng” tên là Chổng Vả Linh (PVS nạn nhân trở về - Phường Sông Hiến - Cao Bằng

Ngoài yếu tố thiếu hiểu biết về buôn bán phụ nữ - trẻ em, yếu tố tâm lý cũng chi phối quá trình phụ nữ bị lừa gạt, buôn bán như tâm lý nhẹ dạ, cả tin, dễ tin theo những thủ đoạn của bọn buôn người. Các yếu tố tâm lý khác như do trắc trở về tình yêu, hôn nhân, gia đình khiến việc phụ nữ mong muốn có một hạnh phúc khác ở xứ người cũng dễ biến họ thành đối tượng nhắm đến của bọn buôn người (nhóm nạn nhân thuộc thị xã Cao Bằng và huyện Thủy Nguyên). Riêng ở huyện Tủa Chùa, thanh nữ đang học trường cấp 3 nội trú của huyện, đến tuổi cập kê, bởi thật thà, cả tin trong quan hệ bạn bè, yêu đương cũng tạo điều kiện cho họ bị những kẻ buôn người cùng dân tộc lợi dụng lừa gạt.

Nguyên nhân của các trường hợp phụ nữ kết hôn với người nước ngoài có yếu tố bị buôn bán (như đã phân tích ở phần thực trạng) là do: một mặt, các thanh nữ



Kết quả thảo luận nhóm nguyên nhân-hậu quả buôn bán người

này ở 2 huyện Thủy Nguyên và Tam Bình nhận thức chưa đúng về các điều kiện và giá trị của một cuộc hôn nhân bền vững; mặt khác, vì không hài lòng hoặc bế tắc với cuộc sống khó khăn hiện tại; hơn nữa, lại có lối sống thực dụng, bị cám dỗ bởi giá trị vật chất; nên họ đã coi hôn nhân là phương tiện để thoát nghèo, chấp nhận lấy chồng nước ngoài núp dưới vỏ bọc “tự nguyện kết hôn”. Để sự toan tính vụ lợi chi phối định hướng hôn nhân gia đình, đây

có thể coi là biểu hiện của sự suy thoái đạo đức lối sống, là kẻ hở cho các dịch vụ hôn nhân trá hình đẩy mạnh hoạt động.

Đức hi sinh, trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ - vai trò kinh tế của phụ nữ trong gia đình cũng được coi là một nguyên nhân khiến một số nữ thanh niên nghĩ đến việc lấy chồng ngoại để có thu nhập, báo hiếu cho cha mẹ (huyện Tam Bình).

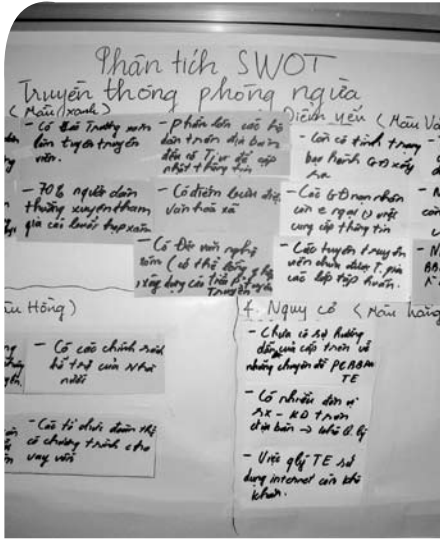
Con gái tôi muốn lấy chồng nước ngoài để giúp gia đình trả nợ 1 cây vàng do xây nhà quá vốn ban đầu. Sau 5 năm chung sống với chồng bên Đài Loan, con tôi bị gia đình chồng trả về nước do không có khả năng sinh con. Hiện nay, tâm trạng con gái tôi đã khá ổn định và đang làm việc trong một sòng bạc ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu con gái tôi may mắn gặp một người nước ngoài khác không phải là người Đài Loan thì tôi vẫn muốn con gái tôi kết hôn vì tin là cháu vẫn còn khả năng có con (PVS mẹ của phụ nữ kết hôn với người nước ngoài trở về - Ấp Phú trường, xã Song Phú, - Huyện Tam Bình)

b. Nguyên nhân từ phía gia đình

Gia đình được coi là cái nôi nuôi dưỡng giúp con người trưởng thành, là đơn vị giáo dục tình cảm – văn hóa, là nơi sẽ chia tình yêu thương, trách nhiệm, cảm thông, khích lệ và hỗ trợ lẫn nhau làm tròn bổn phận xã hội giữa các thành viên. Với chức năng đó, gia đình được xem xét như là một pháo đài bảo vệ văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng ngừa các tác động xấu từ xã hội. Xem xét yếu tố gia đình trong vấn đề BBPNTE, các nhóm đối tượng cung cấp thông tin từ cuộc khảo sát ở tất cả các địa bàn đều cho rằng một số gia đình để

xảy ra tình trạng phụ nữ - trẻ em bị buôn bán là do các thành viên thiếu hiểu biết về tình trạng BBPNTE cũng như các thủ đoạn của bọn buôn người. Đồng thời, một số gia đình còn thiếu sự quan tâm cũng như trách nhiệm trong nuôi dạy con cái, thiếu quản lý con, dẫn đến con bỏ học, đua đòi (Thị xã Cao Bằng). Có trường hợp gia đình mâu thuẫn, không hòa thuận, gia đình có tình trạng bạo hành hay tan vỡ cũng dẫn đến phụ nữ hoặc con cái họ gặp khó khăn về tình cảm, cuộc sống, và đó là nguy cơ sa vào bẫy của bọn buôn người, sa chân vào một cuộc sống ki kịch:

Chồng tôi có vợ bé nên tôi ở một mình với hai đứa nhỏ, còn 3 đứa con gái đi làm. Một lần, đứa con gái tôi đi chơi gặp bạn rồi qua mai mối lấy chồng Đài Loan. Tôi không muốn vậy nhưng vì bố nó lấy vợ bé, nó buồn, và nó muốn đi để trả nợ cho ba má. Thế rồi sau đó sinh con được 1 tuổi thì ốm con về ở nhà luôn, không nói lý do, chỉ bảo là muốn ở với mẹ. Nó khổ thì thôi chứ không nói, sợ mẹ buồn (PVS mẹ của phụ nữ lấy chồng nước ngoài trở về - xã Ngải Tứ - Huyện Tam Bình - Vĩnh Long)



Kết quả thảo luận nhóm tại Cao Bằng

Nguyên nhân khác từ gia đình được cộng đồng đề cập là gia đình thiếu cảnh giác, không khai báo kịp thời khi con cái bị mất tích hoặc quan hệ với đối tượng lạ, tình nghi (Bảo cáo tình hình buôn bán phụ nữ - trẻ em thị xã Cao Bằng). Một số cha mẹ trong các gia đình đông con, đói nghèo, dựa vào tư tưởng báo hiếu của con cái, đã đồng ý gả con cho người nước ngoài để tháo gỡ khó khăn kinh tế (Bảo cáo của Hội phụ nữ Huyện Tam Bình). Một số gia đình khác còn đầu tư tiền trả cho môi giới để gả con cho người nước ngoài, như một sự đầu tư ban đầu để mong con cái cũng như gia đình được đổi đời, song kết cục không được như mong muốn (ở huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng).

c. Nguyên nhân từ phía cộng đồng

Nguyên nhân từ cộng đồng được những người tham gia cuộc khảo sát này cho biết đó là do cộng đồng chưa hiểu biết về vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em, chưa cảnh giác, thiếu kịp thời trong tham gia phát hiện, tố cáo, ngăn ngừa tội phạm. Đặc biệt ở địa bàn vùng sâu, vùng xa như ở huyện Tủa Chùa, người dân có trình độ văn hóa thấp, ít có điều kiện tiếp xúc với các nguồn thông tin, nhất là thông tin bằng tiếng Kinh cũng khiến họ chưa nắm bắt kịp thời về vấn đề buôn bán phụ nữ trẻ em và thiếu đề cao cảnh giác. Hơn nữa, người Mông có văn hóa hiếu khách, tin người cùng dân tộc, đồng thời có phong tục bắt người yêu nên kẻ xấu có thể lợi dụng văn hóa này.

Tệ nạn xã hội gia tăng, nhất là nạn nghiện hút của nam thanh niên cũng phần nào tác động đến tư tưởng của nữ thanh niên trong việc mong muốn kết hôn với nam giới nước ngoài (Tọa đàm tại huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng).

Tham khảo từ kết quả một khảo sát về vấn đề phụ nữ kết hôn với người nước ngoài tại tỉnh Đồng Tháp⁹, một số nguyên nhân từ nam thanh niên địa phương khiến nữ thanh niên không muốn kết hôn với họ,

⁹ Trung Ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - Báo cáo khảo sát tỉnh Đồng Tháp: Vấn đề phụ nữ kết hôn với người nước ngoài và thực hiện chức năng đại diện của Hội phụ nữ cơ sở - 2008

Đa số người Mông rất ít khi giao tiếp với bên ngoài, ít tiếp cận được thông tin vì có nơi còn chưa có điện lưới quốc gia, chưa có loa truyền thanh, và đặc biệt là phần lớn không nói được tiếng phổ thông. Phụ nữ và đàn ông Mông từ độ tuổi 30 trở lên hầu hết là mù chữ. Người Mông vốn rất tin người và hiếu khách nên bọn buôn người có thể lợi dụng để dụ dỗ và lừa gạt (Phòng vấn sâu lãnh đạo Hội phụ nữ - Đoàn thanh niên xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa – Điện Biên.)

đó là nam giới địa phương thiếu công việc ổn định, nghèo – là một trong những điều kiện quan trọng không đảm bảo cho cuộc sống gia đình (45% ý kiến), có nhiều thói hư tật xấu, đặc biệt là tệ uống rượu (54% ý kiến), hay mắng chửi vợ (27% ý kiến), thiếu chung thủy (15% ý kiến) và lười biếng (11% ý kiến).

d. Yếu tố cung – cầu

Yếu tố cung – cầu cũng thể hiện rõ đây là một nguyên nhân dẫn đến BBPNT. Đó là nhu cầu tìm vợ của nam giới Trung Quốc, của nam giới các nước trong khu vực như Đài Loan – Hàn Quốc, kể cả các nước khác như Mỹ... và nguồn cung từ một số nữ thanh niên tại các địa bàn trong nước với tư tưởng cầu may đổi đời thông qua việc lấy chồng ngoại. Xem xét sâu hơn bên trong các yếu tố cung – cầu này, có thể nhận thấy sự tác động ảnh hưởng của đô thị hóa và toàn cầu hóa đến cả 2 yếu tố.

Tốc độ đô thị hóa với những hệ quả của nó như sự thay đổi nghề nghiệp, địa bàn sinh sống, di cư, xu hướng thay đổi trong hôn nhân của dân cư các quốc gia; cộng thêm yếu tố toàn cầu hóa – đó là việc giao lưu, tiếp xúc một cách thuận tiện về văn hóa, nguồn thông tin, con người từ quốc gia này sang quốc gia khác đã dễ dàng hiện thực hóa các nhu cầu nói trên của các cư dân. Đây đồng thời cũng chính là các nhân tố khiến cho hai yếu tố cung và cầu gặp nhau trong vấn đề BBPNT.

Đơn cử, tại Hàn Quốc, tốc độ phát triển kinh tế đô thị khiến ít phụ nữ chịu sống tại nông thôn lấy chồng, và nam giới Hàn Quốc phải có nhu cầu chọn vợ từ các quốc gia như Việt Nam: “Đàn ông Hàn Quốc sống nông thôn ngày càng khó lấy vợ do phụ nữ không chấp nhận cuộc sống vất vả, tìm cách ra thành phố học và làm việc. Cục thống kê Hàn Quốc tháng 3/2006 cho biết trong tổng số các cuộc kết hôn với người nước ngoài, riêng nông thôn chiếm

tới 35,9%¹⁰”. Còn từ phía phụ nữ Việt Nam, những nguyên nhân quyết định kết hôn với chồng người Hàn Quốc được xem xét trong luận án thạc sĩ (khoa quan hệ quốc tế Trường ĐH Quốc gia Seoul) của Hà Minh Thành với đề tài “Nghiên cứu về vấn đề kết hôn với người nước ngoài giữa Việt Nam và Hàn Quốc thì: “lý do chính phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc là bởi “Korean dream” (giấc mơ Hàn Quốc), “lý do kinh tế” và “tác động của trào lưu văn hóa Hàn Quốc”.

Nhu cầu cần lao động tình dục cho ngành công nghiệp tình dục của các nước láng giềng cũng là yếu tố cầu của việc BBPNT, khiến bọn buôn người luôn luôn nghiên cứu kỹ tâm lý phụ nữ - trẻ em để đưa ra các thủ đoạn tinh vi, hồng lửa gạt phụ nữ - trẻ em, tìm nguồn cung cho thị trường có lợi nhuận cao này.

e. Nguyên nhân từ các cơ quan chức năng

Do nguồn kinh phí hạn hẹp, mặc dù nhà nước có chương trình cấp quốc gia và địa phương về phòng chống BBPNT, nhưng hoạt động này chưa thực sự triển khai sâu rộng đến từng xã/phường, thôn phố, chưa tổ chức thành chuyên đề chuyên sâu mà chỉ ở hoạt động truyền thông lồng ghép nên hiệu quả chưa cao. Hơn nữa, do diễn biến phức tạp của loại tội phạm này, cán bộ địa phương làm công tác này chưa được tập huấn chuyên sâu nên cũng chưa hiểu biết đầy đủ về nội dung cũng như cách thức triển khai hoạt động (xem thêm chương IV – Hoạt động can thiệp về phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em ở các địa bàn khảo sát)

10 Bài báo: Biểu tình phản đối bài báo về cô dâu Việt tại Hàn Quốc - Vietnamnet đăng ngày 26/04/2006



. HIỂU BIẾT CỦA CÁN BỘ VÀ NGƯỜI DÂN VỀ TÌNH HÌNH BUÔN BÁN PHỤ NỮ TRẺ EM

1. Hiểu biết chung về vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em

1.1. Hiểu biết về khái niệm và hiện tượng buôn bán phụ nữ - trẻ em

Mặc dù nạn BBPNTÉ diễn ra ở tất cả các xã khảo sát, nhưng tỉ lệ người dân nghe và hiểu rõ vấn đề này chiếm tỉ lệ rất thấp, chỉ có 31% trong tổng số người trả lời phiếu điều tra. Số người chưa bao giờ nghe là

10,8%, tỉ lệ này cao nhất là ở huyện Tủa Chùa – Điện Biên chiếm 21,3%. Số người có nghe nói đến hiện tượng này nhưng chưa hiểu rõ chiếm 57,6% và tỉ lệ cao nhất là ở huyện Tam Bình chiếm 69%.

Phân tích theo nghề nghiệp, tỉ lệ người dân chưa bao giờ được nghe hoặc nghe nhưng chưa hiểu rõ về BBPNTÉ cao hơn hẳn cán bộ, 14,6% so với 10,8% và 61,7% so với 55,8%. Và điều cần quan tâm ở đây là ngay cả một số cán bộ ở một số địa phương cũng chưa hiểu biết về khái niệm BBPNTÉ và họ cho rằng ở địa phương họ không có tình trạng BBPNTÉ:

“Địa phương chưa có tình trạng BBPNTÉ. Chỉ có một số chị em tự rủ nhau đi sang Trung Quốc, sau đó có người về, người không về. Một số đi do lời kéo rối mất tích. Địa phương không nắm được người lôi kéo là ai. (Thảo luận nhóm lãnh đạo – xã Tân Dương – Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)

“Đối với xã Song Phú, dạng làm đường dây mai mối lấy chồng nước ngoài thì có, còn BBPNTÉ thì chưa (Phỏng vấn sâu Trưởng Công An xã Song Phú – Huyện Tam Bình – Vĩnh Long)

Phân tích theo giới tính người trả lời, mặc dù phụ nữ là đối tượng kẻ buôn người nhắm đến để thực hiện hành vi lừa gạt, nhưng có đến 14,7% phụ nữ chưa bao giờ được nghe nói đến chủ đề này, và tỉ lệ này càng cao hơn ở nhóm phụ nữ đơn thân (chiếm 16,7%) và kể cả phụ nữ đã có gia

đình (16,7%). Phụ nữ chưa lập gia đình, phụ nữ đơn thân, phụ nữ nói chung cũng chiếm tỉ lệ cao hơn hẳn nam giới trong tình trạng có nghe nhưng chưa hiểu rõ về vấn đề buôn bán phụ nữ trẻ em (Xem bảng sau):

Bảng 1. Tỷ lệ người trả lời có nghe và hiểu khái niệm BBPNTÉ, % số ý kiến tương quan theo tình trạng hôn nhân và giới tính

	Chưa lập gia đình		Đã có gia đình		Đơn thân		Chung sống không kết hôn		Trung Bình	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Chưa bao giờ nghe	0,0	0,0	5,2	16,7	0,0	16,7	0,0	0,0	4,8	14,7
Nghe nhưng chưa hiểu rõ	66,7	69,6	52,2	57,7	100,0	83,3	100,0	0,0	54,0	59,9
Nghe và đã hiểu rõ	33,3	30,4	41,7	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	40,5	24,9

Tìm hiểu sâu hơn hiểu biết của người dân và cán bộ về các biểu hiện của vấn đề BBPNTÉ, tỷ lệ tương đối cao người trả lời chưa hiểu đúng về các biểu hiện này.

Chỉ có hiện tượng đơn giản là phụ nữ bị lừa, bắt ép lấy chồng nước ngoài là có 83% người trả lời cho rằng đó là BBPNTÉ. Còn lại, đối với các biểu hiện khác, có tỷ lệ cao người trả lời không biết hoặc không hiểu đó có phải là BBPNTÉ hay không. Đó là có đến 41,2% không hiểu/không biết hiện tượng tự nguyện lấy chồng nước ngoài nhưng sau đó bị ép làm các công việc khác như giúp việc gia đình, làm gái mại dâm; và đi xuất khẩu lao động nhưng sau đó bị ép làm các công việc khác mà không được trả lương có phải là BBPNTÉ hay không. 35,6% không biết/không hiểu việc nhận con nuôi với mục đích bóc lột sức lao động có phải là BBPNTÉ hay không. Đối với người dân ở thị xã Cao Bằng, nhiều người còn cho rằng tình trạng BBPNTÉ chỉ xảy ra ở các xã biên giới, còn các xã nội địa thì tình trạng này không thể xảy ra.

1.2. Hiểu biết về đối tượng phụ nữ dễ bị lừa gạt, buôn bán

Nạn BBPNTÉ diễn ra ngày càng phức tạp, và thủ đoạn của kẻ buôn người ngày càng

tinh vi, xảo quyệt. Không phải đối tượng phụ nữ nào cũng dễ hay khó bị lừa gạt, buôn bán. Tuy nhiên, tổng kết từ thực trạng buôn bán phụ nữ trẻ em tại các địa bàn (xem thêm chương I- phần thực trạng buôn bán phụ nữ trẻ em) cũng như tình hình buôn bán phụ nữ trẻ em trên phạm vi toàn quốc, những đối tượng dễ bị lừa gạt, buôn bán được thống kê (xem phụ lục) để tìm hiểu nhận thức của người dân và cán bộ.

Kết quả khảo sát cho thấy tình trạng hiểu biết chưa đầy đủ của cả người dân và cán bộ về các đối tượng phụ nữ dễ bị bọn buôn người dùng thủ đoạn lừa gạt, buôn bán. Đó là tuy đã có tỷ lệ cao người trả lời cho rằng các đối tượng phụ nữ có học vấn thấp, ít hiểu biết; kinh tế gia đình khó khăn; phụ nữ lười lao động lại muốn có cuộc sống giàu sang; phụ nữ nhẹ dạ cả tin là dễ bị lừa gạt, buôn bán (chiếm 63,8% đến 66,9% người trả lời); nhưng những đối tượng phụ nữ khác như phụ nữ trong các gia đình không hạnh phúc; phụ nữ đơn thân; phụ nữ có nhan sắc thì có tỷ lệ cao người trả lời cho rằng không dễ bị lừa gạt, buôn bán (chiếm từ 36,2% đến 49,2%). Điều này trái với thực tế buôn bán phụ nữ đang diễn ra trên các địa bàn khảo sát đã chỉ ra ở phần thực trạng.

1.3 Hiểu biết về đối tượng trẻ em dễ bị buôn bán

Có trên 61% người được hỏi cho rằng trẻ em thích ăn chơi, đua đòi và trẻ em không được gia đình quan tâm là dễ bị buôn bán. Các đối tượng trẻ em khác như trẻ em trong các gia đình không hạnh phúc, trẻ em trong các gia đình kinh tế khó khăn, trẻ em có cha mẹ hám tiền, trẻ em thích kiếm tiền hay trẻ em mồ côi thì tỉ lệ người trả lời cho rằng dễ bị buôn bán là ít hơn, chỉ chiếm từ 36,8% - 46,1%. Và có đến 14,2% số người trả lời không biết trẻ em thuộc đối tượng nào thì dễ bị buôn bán.

2. Hiểu biết về kẻ buôn người và thủ đoạn của chúng

Số liệu khảo sát cho thấy người dân và cán bộ có hiểu biết về kẻ buôn người, nhưng tỉ lệ hiểu biết chưa cao.

Đối với phương án kẻ buôn người là người lạ từ nơi khác đến được người dân tại thị xã Cao Bằng và huyện Tủa Chùa lựa chọn cao nhất so với tỉ lệ chung là 61,8%. Chính suy nghĩ này của những người dân ở huyện Tủa Chùa đã tạo điều kiện để bọn buôn người tiếp tục hoạt động, bởi ở đây, đa phần là người dân tộc HMông, họ tin tưởng người cùng dân tộc mình không thể lừa gạt lẫn nhau, kể cả khi con gái mình - nạn nhân là Lai - xã Sinh Phình mới bị 3 thanh niên giả vờ yêu đương lừa đi tháng 3 năm 2008 - thì họ vẫn nghĩ có thể đó chỉ là do quan hệ yêu đương và một ngày kia con gái sẽ trở về.

Các phương án còn lại cho rằng, kẻ buôn người có thể là người quen, bạn bè; là người cùng làng, cùng quê, cùng làm ăn buôn bán; là người từng bị buôn bán trở về... có tỉ lệ người trả lời lựa chọn không cao, dưới 50%, thậm chí chỉ có 29,4%.

Và thông thường, do hoạt động truyền thông phòng ngừa chưa được thực hiện một cách đầy đủ, nên hiểu biết của người dân chỉ dựa trên các vụ việc phụ nữ - trẻ em bị buôn bán tại địa phương.

So sánh theo địa bàn, người được hỏi ở địa bàn Thị xã Cao Bằng có hiểu biết cao hơn các địa phương khác, và ở huyện Tủa Chùa có tỉ lệ thấp nhất trong đa số các phương án trả lời. Có đến 13,8% người dân tại Tủa Chùa không hề biết ai có thể là kẻ buôn người.

So sánh theo nghề nghiệp và giới tính, cán bộ có tỉ lệ hiểu biết cao hơn so với người dân địa phương, và nam giới có tỉ lệ hiểu biết cao hơn phụ nữ. So sánh theo số con của người được hỏi, những người có từ 3 con trở lên ít hiểu biết hơn so với người chỉ có 1-2 con, có lẽ do bận rộn làm ăn nuôi con nên họ không có nhiều thời gian để tìm hiểu vấn đề này (xem số liệu ở phần phụ lục).

Tương tự như hiểu biết về đối tượng có thể là kẻ buôn người, những thủ đoạn của chúng cũng được người dân và cán bộ tại các vùng khảo sát nhận dạng. Có trên 50% người trả lời biết được 3 trong tổng số 4 thủ đoạn của bọn buôn người được trưng cầu trong phiếu điều tra. Tuy nhiên, tỉ lệ này cũng chưa cao và không đồng đều ở các địa bàn khảo sát. Chỉ có 11,3% đến 13,8% người trả lời biết được các thủ đoạn như hứa hẹn lấy chồng nước ngoài hay bắt cóc, cưỡng bức. Những thủ đoạn phổ biến như rủ đi làm ăn xa, hứa hẹn việc làm có thu nhập cao cũng chỉ có 36,3%-45,2% người trả lời ở đây biết được. Trong tổng số 10,2% số người không biết kẻ buôn người có thủ đoạn nào, thì ở huyện Tủa Chùa chiếm đến 21,3%.

Bảng 2. Hiểu biết của người trả lời về thủ đoạn của những kẻ buôn người - % số ý kiến tương quan theo địa bàn

	Chưa lập gia đình		Đã có gia đình		Đơn thân		Chung sống không kết hôn		Trung Bình	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Chưa bao giờ nghe	0,0	0,0	5,2	16,7	0,0	16,7	0,0	0,0	4,8	14,7
Nghe nhưng chưa hiểu rõ	66,7	69,6	52,2	57,7	100,0	83,3	100,0	0,0	54,0	59,9
Nghe và đã hiểu rõ	33,3	30,4	41,7	25,0	0,0	0,0	0,0	0,0	40,5	24,9

3. Hiểu biết về điểm đến của BBPNTE

Nhìn chung, hiểu biết của những người được khảo sát mới chỉ tập trung vào việc phụ nữ - trẻ em bị buôn bán sang các nước khác, chiếm 75,8%. Hiểu biết này vẫn thấp nhất là ở huyện Tủa Chùa – Điện

Biên, chỉ chiếm có 33,8%. Cũng tại huyện này, tỉ lệ số người không biết phụ nữ - trẻ em bị buôn bán đi đâu chiếm đến 58,8%. Những điểm đến khác của phụ nữ - trẻ em bị buôn bán như từ nông thôn ra thành thị chỉ có tỉ lệ thấp – chiếm 35,1% số người trả lời ở tất cả các địa bàn, với tất cả các đối tượng nghề nghiệp, giới tính khác nhau. Trong khi đó, thực tế của vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em hiện nay ngày càng trở nên phức tạp, và BBPNTE không còn chỉ tập trung sang các nước khác mà có thể bị buôn bán ngay trong nước, từ nông thôn ra thành thị.

4. Hiểu biết về nguyên nhân và hậu quả của nạn BBPNTE

Nghèo đói và thiếu thông tin/hiểu biết về vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em là hai nguyên nhân được cán bộ và người dân trong các vùng khảo sát lựa chọn cao nhất, chiếm trên 64%. Tuy nhiên, những nguyên nhân xa hơn của nghèo đói và thiếu hiểu biết là thất nghiệp, thất học lại có chưa đến 50% người trả lời.



Người dân đang điền phiếu điều tra

Bảng 3. Hiểu biết của người trả lời về nguyên nhân BBPNTE - % số ý kiến tương quan theo tình trạng hôn nhân và số con của họ

	Chưa lập gia đình	Đã có gia đình	Đơn thân	Chung sống không kết hôn	Chưa/ không có con	Có 1-2 con	Có 3 con trở lên	Trung Bình
Nghèo đói	75,0	63,6	57,1	0,0	78,6	70,1	55,1	64,4
Thiếu hiểu biết về BBPNTE	81,3	62,5	57,1	0,0	71,4	68,2	55,1	64,1
Thất nghiệp	50,0	47,3	42,9	0,0	46,4	57,1	34,6	47,4
Thất học	53,1	45,2	42,9	0,0	46,4	53,9	34,6	45,8
Nguyên nhân khác	6,3	18,4	14,3	0,0	14,3	14,3	22,8	17,0
Không biết	3,1	10,6	28,6	100,0	7,1	7,1	16,5	10,5

Có 10,5% người được hỏi không biết nguyên nhân của tình trạng BBPNTE, trong đó, tỷ lệ tập trung cao là những người sống ở 2 xã huyện Tủa Chùa - 26,3%, người dân trong cộng đồng chiếm 12,5%, phụ nữ chiếm 12,7%, người <30 tuổi chiếm 12,7%, người đơn thân chưa lập gia đình chiếm 28,6%. Những người có từ 3 con trở lên cũng chiếm tỉ lệ 16,5% trong nhóm này.

Khi tiến hành các thảo luận nhóm, người dân trong cộng đồng có hiểu biết sâu hơn các nguyên nhân của BBPNTE. Họ bổ sung thêm các nguyên nhân khác của thực trạng này như do quá trình di lại, giao tiếp trong nền kinh tế thị trường quá rộng và phức tạp nên cá nhân và xã hội không kiểm soát hết được những thủ đoạn của bọn buôn người; do nam giới ngoại quốc cần phụ nữ để kết hôn, cần nô lệ tình dục hay do có đường dây buôn bán phụ nữ -

trẻ em tấn công vào địa phương nhưng các cơ quan chức năng chưa ngăn chặn kịp thời; do công tác truyền thông còn yếu kém.

Đã có từ 60,4% đến 66,9% người được hỏi biết về các hậu quả chính của BBPNTE đối với nạn nhân, đó là bị bóc lột sức lao động, bị ép buộc làm gái mại dâm, bị cưỡng ép làm vợ hay bị bóc lột tình dục. Những hoàn cảnh khác có tỉ lệ người dân hiểu biết thấp hơn nhiều.

Trong số 20,4% người được hỏi không biết về hậu quả của buôn bán phụ nữ - trẻ em, nhóm chiếm tỉ lệ cao nhất là nhóm cán bộ và người dân ở Huyện Tủa Chùa (chiếm 58,8%), là phụ nữ đơn thân (chiếm 42,9%), các gia đình có con dưới 15 tuổi (chiếm 35,3%) và cuối cùng là đối tượng phụ nữ (chiếm 23,4%).

Bảng 4. Hiểu biết của người trả lời về hậu quả của BBPNTÉ đối với nạn nhân - % số ý kiến theo các đối tượng có tỉ lệ hiểu biết thấp nhất

	Huyện Tủa Chùa	Phụ nữ	Phụ nữ đơn thân	Người có con <15 tuổi	Trung Bình
Bị bóc lột sức lao động	31,3	61,9	42,9	52,6	66,9
Phải làm gái mại dâm	21,3	61,4	42,9	50,9	63,5
Bị cưỡng ép làm vợ / bóc lột tình dục	23,8	54,8	57,1	46,6	60,4
Phải làm con nuôi	3,8	11,7	14,3	7,8	13,7
Bị lấy mất các phủ tạng	7,5	15,7	28,6	17,2	22,6
Không biết	58,8	23,4	42,9	35,3	20,4

Những người trả lời phiếu điều tra cũng có tỉ lệ tương đối cao hiểu biết về các hậu quả của buôn bán phụ nữ - trẻ em, đó là ảnh hưởng đến gia đình người bị buôn bán, đến cộng đồng, xã hội (chiếm từ 74,6% đến 88,9%).

Tổng hợp thông tin từ thảo luận nhóm, một số người đã hiểu sâu hơn về các những hậu quả đáng chú ý của chính nạn nhân bị buôn bán, đó là đối với nạn nhân, một số bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe sa sút, gặp rắc rối về giấy tờ pháp lý, bị ảnh hưởng tới nhân phẩm, bị khủng hoảng tinh thần; một số khi trở về còn bị kỳ thị, xa lánh. Còn đối với gia đình, người dân cho rằng, khi con cái bị lừa gạt - buôn bán, bố mẹ, gia đình phải chịu nỗi đau về mất người thân, mất nguồn lao động, mất cuộc sống bình yên, sức khỏe sa sút, kiệt hại kinh tế. Đối với xã hội, BBPNTÉ gây nên mất trật tự an ninh xã hội, gây mâu thuẫn trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình chính trị, nếu phụ nữ kết hôn với người nước ngoài

diễn ra nhiều, Việt Nam sẽ dẫn đến mất cân bằng về giới.

5. Quan điểm về cách đối xử với nạn nhân bị buôn bán trở về

Với tinh thần tương thân, tương ái, phần lớn những người được hỏi có quan điểm tốt về cách đối xử với nạn nhân bị buôn bán trở về. Họ quan tâm đến việc động viên tinh thần, giúp đỡ vật chất, không kỳ thị, xa lánh người trở về, chiếm từ 62,8% đến 87% số ý kiến trả lời. Việc giúp người trở về xây dựng gia đình hạnh phúc được quan tâm ít hơn, chỉ chiếm có 52,3%, trong đó tỉ lệ thấp nhất là ở những người trả lời huyện Tủa Chùa (23,8%), đối tượng là người dân (45,0%). Việc hỗ trợ người trở về để có được các thủ tục pháp lý, có đủ tư cách công dân để tham gia đầy đủ vào các hoạt động kinh tế, xã hội chưa được quan tâm nhiều, chỉ chiếm có 43,7%; trong đó những người ít hiểu biết nhất về vấn đề này cũng ở huyện Tủa Chùa, ở huyện Tam Bình, người dân và phụ nữ.

Có 5,9% người được hỏi cho rằng không nên gán gù với người trở về để tránh bị họ lừa gạt và 3,1% không biết nên đối xử với người trở về thế nào.

6. Hiểu biết về luật pháp - chính sách, các chương trình phòng chống BBPNTE và quan điểm về hành vi buôn bán phụ nữ - trẻ em

Hiểu biết của người dân về luật pháp, chính sách của nhà nước và các chương trình phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em đã triển khai rất thấp. Mặc dù có 68,7% số người được khảo sát cho biết nhà nước

đã có điều luật riêng để điều chỉnh hành vi buôn bán người và 63,2% cho biết nhà nước đã có chương trình phòng chống buôn bán người, nhưng khi hỏi cụ thể hơn, họ đều trả lời không biết các nội dung điều luật hay nội dung cụ thể của các chương trình. Ngoài ra có 24,5% số người không biết là Nhà nước đã có điều luật điều chỉnh loại tội phạm này hay chưa và 5,9% số người người cho rằng Nhà nước chưa có điều luật nào để điều chỉnh loại tội phạm này. Nhóm có tỉ lệ hiểu biết thấp tập trung vào người dân ở huyện Tủa Chùa, ở huyện Tam Bình, phụ nữ, phụ nữ đơn thân, nhóm người dưới 30 tuổi, nhóm người có từ 3 con trở lên và nhóm người có con <15 tuổi (xem bảng sau).

Bảng 5. Hiểu biết của người trả lời về luật pháp điều chỉnh tội phạm BBPNTE - % số ý kiến theo các đối tượng hiểu biết thấp nhất

	Huyện Tủa Chùa	Huyện Tam Bình	Người dân địa phương	Phụ nữ	Phụ nữ đơn thân	Nhóm <30 tuổi	Nhóm có từ 3 con trở lên	Nhóm có con <15 tuổi	Chung
Đã có	47,5	63,9	62,9	62,4	57,1	52,7	61,4	66,4	68,7
Chưa có	7,5	7,2	6,7	5,6	14,3	9,1	7,9	4,3	5,9
Không biết	43,8	28,9	29,6	31,0	28,6	34,5	30,7	28,4	24,5

Hầu hết người dân và cán bộ cho rằng những hành vi BBPNTE là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức (chiếm 92,3 và 91,3%). Và có đến 82,7% cho rằng đây cũng chính là vấn đề đang xảy ra ở địa phương, gây nhiều bức xúc trong cộng đồng và cần phải được giải quyết.

II. HIỂU BIẾT CỦA TRẺ EM VỊ THÀNH NIÊN VỀ VẤN ĐỀ BBPNTE

Tổng hợp thông tin từ kết quả thảo luận nhóm trẻ em từ 10-15 tuổi ở các xã khảo sát, những thông tin các em biết về vấn

đề BBPNTE, về đối tượng dễ bị buôn bán, về những kẻ buôn người và thủ đoạn của chúng, về nguyên nhân và hậu quả của buôn bán người chưa hoàn toàn đầy đủ. Trẻ em ở huyện Thủy Nguyên và ở Thị xã Cao Bằng hiểu biết tương đối rõ ràng hơn các em ở huyện Tủa Chùa và Tam Bình. Nguồn thông tin các em nhận được ở Thủy Nguyên là từ sách, báo, các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh. Còn nguồn thông tin mà các em ở thị xã Cao Bằng nhận được là từ chương trình ngoại khóa của nhà trường, từ bố mẹ và người lớn dặn dò. Tuy nhiên, tình hình thực tế về buôn bán phụ nữ trẻ em tại địa

phương thì các em ít được nghe nói đến, và không hiểu rõ. Chỉ có em biết rằng: “có chị Tuyết con bác Me bị chị họ lấy chồng Hàn Quốc rủ sang, hứa có chồng giàu, làm giám đốc, nhưng khi sang thì thực chất người đó là tài xế, lái xe thuê, nhà nghèo ở quê làm ruộng, đến bây giờ chị Tuyết không về được...” (thảo luận nhóm trẻ em xã Tân Dương – Huyện Thủy Nguyên).

Khác với trẻ em ở huyện Thủy Nguyên và Cao Bằng, và tương tự như người dân ở Tam Bình, trẻ em ở 2 xã thuộc huyện Tam Bình, ít hiểu biết về buôn bán phụ nữ - trẻ em. “Các kiến thức các em được trang bị từ nhà trường, gia đình và ở cộng đồng rất ít” (Thảo luận nhóm trẻ em xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình).

Trẻ em ở 2 xã huyện Tòa Chùa cũng đều rất mơ hồ về vấn đề buôn bán phụ nữ, trẻ em, và chỉ biết một số thông tin qua cảnh báo của người lớn và qua các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo.

Như vậy có thể thấy, nhìn chung, trẻ em từ 10-15 tuổi ở tất cả các địa bàn khảo sát để chưa được trang bị kiến thức đầy đủ và có hệ thống về buôn bán phụ nữ - trẻ em, mà chỉ do từ người lớn, thầy cô giáo dặn dò hoặc qua báo đài, ti vi (ngoại trừ thị xã Cao Bằng đã có chương trình ngoại khóa



Thảo luận nhóm trẻ em

trong trường học) nên hiểu biết của các em chưa rõ.

Mong muốn của các em là được hiểu rõ về vấn đề này, đặc biệt là các thủ đoạn của bọn buôn người, các kỹ năng sống để tránh sa vào bẫy của chúng hoặc các địa chỉ cần thiết để báo cho các cơ quan chức năng khi gặp nguy hiểm.

Các hoạt động phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em đã tiến hành tại địa bàn khảo sát

Nhằm giải quyết thực tế BBPNTE diễn biến ngày càng phức tạp, từ năm 2004, Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành chức năng thành lập Ban chỉ đạo liên ngành, thực hiện chương trình “Phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ - trẻ em giai đoạn 2004-2010”. Chương trình này có 4 đề án: Đề án 1- Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ - trẻ em do Bộ Công an kết hợp Bộ đội biên phòng thực hiện. Đề án 2 - Tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về phòng chống tội phạm do Trung Ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì. Đề án 3 - Tiếp nhận nạn nhân là phụ nữ - trẻ em từ nước ngoài trở về, giúp hoà nhập cộng đồng do Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục – Đào tạo chủ trì. Đề án 4 - Tạo công ăn việc làm do Bộ Lao Động - Thương binh & Xã hội chủ trì. Hai bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư cũng có trách nhiệm thực hiện những công việc liên quan.

Về hoạt động truyền thông, trong 3 năm từ 2005-2007, Hội LHPN Việt Nam đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng. Hội đã phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng và phát sóng 84 phóng sự, phim truyền hình về phòng chống BBPNTE; gần 3.000 tin bài được phát thanh và đăng trên báo chí đã lên án bọn tội phạm và nâng cao nhận thức cho phụ nữ và người dân. Các cấp Hội đã tổ chức gần 96.000 cuộc truyền thông cho hơn 6 triệu lượt người về phòng chống BBPNTE; thực hiện đợt cao điểm về chiến dịch truyền thông phòng chống BBPNTE ở các tỉnh có biên giới. Trong quá trình truyền thông, một số nạn nhân bị buôn bán trở về đã tham gia và trở thành báo cáo viên, tuyên truyền viên phòng chống BBPNTE. Hơn 500 ngàn tờ rơi, hàng ngàn tờ lịch, áp phích, pa nô

được cung cấp cho phụ nữ và người dân; gần 20 vạn cuốn Thông tin phụ nữ, sổ tay tuyên truyền được cung cấp cho cán bộ Hội các cấp về phòng chống BBPNTE. Nhiều câu lạc bộ được thành lập với nội dung, hình thức sinh hoạt phong phú đã thu hút đông đảo hội viên, phụ nữ và nam giới cùng tham gia và đã thực sự trở thành điểm tựa cho các nạn nhân và gia đình về tinh thần và giảm bớt khó khăn trong cuộc sống¹¹

Theo báo cáo của các địa phương, hầu hết các địa bàn khảo sát trong những năm gần đây đều đã có một số hoạt động có nội dung liên quan đến vấn đề buôn bán phụ nữ, trẻ em. Cấp huyện thị phụ nữ đã triển khai một số hoạt động theo sự chỉ đạo của tổ chức Hội cấp trên như truyền thông, phát tờ rơi, cán bộ hội cơ sở được tập huấn kỹ năng truyền thông phòng chống BBPNTE và cách tiếp cận đối tượng và tư vấn tâm lý theo tinh thần Quyết định số 17/2007/QĐ-TTg về tái hoà nhập cộng đồng cho PNTE bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Phần lớn các địa bàn cấp huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai chương trình phòng chống tội phạm trong đó có tội phạm BBPNTE theo QĐ/130CP/2004/QĐ-TTg.

Tuy nhiên, dù được các cơ quan chức năng triển khai trên diện rộng, nhưng do tính phức tạp của vấn đề, do nhiều khó khăn khách quan và chủ quan, đặc biệt là khó khăn về nguồn kinh phí, công tác phối hợp giữa các ban ngành liên quan chưa đồng bộ, kỹ năng tổ chức các hoạt động truyền thông còn yếu, hoạt động

11 Nguồn – Báo cáo hoạt động phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em năm 2007 – Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam



Kết quả thảo luận nguyên nhân-hậu quả BBN

điều tra, truy bắt, xét xử tội phạm chưa thể thực hiện triệt để trên tất cả các địa bàn, nên tại các địa bàn khảo sát, việc tiến hành các hoạt động này còn hạn chế. Tại thị xã Cao Bằng, nơi hoạt động phòng chống BBPNTE được triển khai mạnh hơn các địa bàn khác, thì theo đánh giá từ tọa đàm lãnh đạo thị xã: “Ban chỉ đạo liên ngành 130 đã được thành lập ở cấp huyện – xã, hàng năm có xây dựng kế hoạch và thực hiện thông qua chương trình công tác

của ban, ngành, đơn vị. Nhưng chỉ mới có Hội Phụ nữ, ngành Công An, và các trường học thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên một mình Hội Phụ nữ không thể đảm đương các hoạt động tái hòa nhập cộng đồng. Hoạt động truyền thông mới chủ yếu là lồng ghép, chưa có tài liệu gì về PCBBPNTE”. Ở tất cả các xã khảo sát, trong thảo luận nhóm lãnh đạo xã về phân tích các hoạt động phòng chống BBPNTE, hầu hết các xã cũng ít đề cập đến hoạt động của Ban chỉ đạo chương trình này. Các hoạt động phòng chống BBPNTE ở cấp xã/phường chủ yếu là tiến hành lồng ghép với các chương trình khác, chưa có chuyên đề riêng, cụ thể, đồng thời các nội dung cũng tiến hành chưa được chuyên sâu, bài bản.

Theo đánh giá của người dân trong cộng đồng, chỉ có 48,3% số người trả lời phiếu điều tra cho rằng ở địa phương của họ có hoạt động phòng chống BBPNTE; trong đó tỉ lệ thấp nhất là ở huyện Tam Bình, chỉ có 27,7%, tiếp đến là huyện Tủa Chùa chỉ có 41,3%. Số còn lại, 51,1% cả cán bộ và người dân hoặc không biết ở địa phương có hoạt động này hoặc họ cho rằng địa phương chưa triển khai bất cứ hoạt động nào về phòng chống BBPNTE.

Bảng 6. Ý kiến người trả lời về tình hình triển khai hoạt động phòng chống BBPNTE tại địa phương - % số ý kiến theo địa bàn khảo sát

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Có	60,0	41,3	65,0	27,7	48,3
Chưa có	17,5	17,5	26,3	38,6	25,1
Không biết	22,5	38,8	8,8	33,7	26,0

I. HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

Đối với các hoạt động truyền thông, nội dung đầu tiên và quan trọng là tập huấn kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ tuyên truyền viên, thì mới chỉ có 14,9% cán bộ và người dân được khảo sát cho rằng đã có hoạt động này, và nơi có tỉ lệ cao nhất là ở Thị xã Cao Bằng và huyện Thủy Nguyên cũng chỉ có từ 16,3% đến 17,5%. Đối tượng được tập huấn để tiến hành truyền thông trong cộng đồng cũng chỉ tập trung vào phụ nữ nói chung (chiếm 13,3%), các đối tượng khác như phụ nữ trở về, nam giới hay trẻ em được tham gia với tỉ lệ rất hiếm (chỉ từ 1,9% đến 4%)

Về hiệu quả của hoạt động này, chỉ có 9,3% số người cho rằng đây là hoạt động có hiệu quả; số còn lại cho rằng còn ít hiệu quả hoặc hiệu quả còn thấp. Điều đáng quan tâm là mặc dù ở Thị xã Cao Bằng, nơi có hoạt động này diễn ra nhiều hơn các địa bàn khác thì có tỉ lệ cao đánh giá đây là hoạt động ít mang lại hiệu quả, chiếm đến 12,5%.

Việc truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh cũng chỉ mới tiến hành với tỉ lệ rất thấp, chỉ có 23,2% người trả lời khẳng định có hoạt động này, trong đó cao nhất là ở huyện Thủy Nguyên chiếm 53,8%, còn ở huyện Tủa Chùa hầu như chưa được tiến hành, và ở thị xã Cao Bằng, chỉ mới 12,5% người dân biết có hoạt động này. Nhìn chung, người dân chưa đánh giá cao hiệu quả công tác truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh, chỉ có 13,6/23,2% cho biết đây là hoạt động mang lại ý nghĩa thiết thực trong việc cung cấp cho họ thông tin về công tác phòng chống BBPNT.

Hoạt động truyền thông/nói chuyện trong các buổi họp dân cư, đoàn thể, được thực hiện nhiều hơn, nhưng tỉ lệ cũng chưa cao, chỉ chiếm 35,9%, trong đó ở thị

xã Cao Bằng được tiến hành nhiều nhất, chiếm 57,5% và thấp nhất là ở huyện Tam Bình chỉ mới có 21,7%. Đối tượng được nghe trong các buổi họp này chủ yếu là phụ nữ và nam giới, phụ nữ bị buôn bán trở về cũng như trẻ em ít được quan tâm mời đến dự. Cũng tương tự như các hoạt động truyền thông khác, hiệu quả công tác truyền thông trong địa bàn dân cư chưa được đánh giá có hiệu quả cao.

Có thể nói có tương đối nhiều cơ quan, ban ngành đã quan tâm tham gia chỉ đạo, chuẩn bị nội dung để trực tiếp phát thanh trên loa truyền thanh hoặc truyền thông trong các buổi họp dân cư, đoàn thể về nội dung phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em. Đó là Ủy ban nhân dân xã/phường, thôn/phố (thường là chỉ đạo), Công an; Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, Văn hóa thông tin. Tuy nhiên mức độ tham gia chưa cao (xem số liệu ở phần phụ lục). Thông tin từ các cuộc thảo luận nhóm người dân trong cộng đồng khi vẽ giản đồ Venn, mô tả vai trò của các cơ quan tham gia vào hoạt động truyền thông phòng ngừa buôn bán phụ nữ - trẻ em ở các địa bàn cũng thể hiện vai trò của các đoàn thể như trên.

Tổng hợp thông tin định tính từ các cuộc tọa đàm, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu, hoạt động truyền thông được một số địa phương thực hiện tương đối đa dạng, như ở Cao Bằng, các hình thức truyền thông còn được thực hiện qua các trường hợp điển hình, qua các hình thức văn nghệ, sinh hoạt Câu lạc bộ. Còn ở huyện Tủa Chùa, từ năm 2007, ngay khi có hiện tượng 2 phụ nữ bị lừa bán, chính quyền và các đoàn thể Hội phụ nữ ngay cấp huyện đã thông báo cho tất cả 12 xã, thông báo trong các cuộc họp dân cư. Hội phụ nữ xây dựng kế hoạch hướng dẫn 12 cơ sở Hội cấp xã/thị trấn tuyên truyền giáo dục cộng đồng về vấn đề này. Năm 2007, Hội đã thực hiện đợt cao điểm tuyên truyền giáo dục cộng đồng. Tại Huyện Thủy Nguyên, trừ 3 xã đã

được tổ chức ActionAid hỗ trợ hoạt động phòng chống BBPNTE, ở các địa bàn còn lại, mỗi năm huyện tổ chức 01 cuộc truyền thông cho cán bộ phụ nữ cấp xã, và tổ chức sinh hoạt chuyên đề vào đợt 8/3 và 20/10 trong dân cư; truyền thông trên hệ thống loa truyền thanh mỗi tháng 2 lần. Ngoài ra, Hội LHPN cấp thành phố có in ấn tài liệu và cũng đã tổ chức đêm liên hoan “Câu lạc bộ Bạn gái tuyên truyền phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em” vào tháng 8/2008.

Tại huyện Tam Bình, Hội phụ nữ Huyện chỉ mới tổ chức chuyên đề về công tác phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em mỗi năm 1 lần cho cán bộ Hội cấp xã/phường và hướng dẫn địa phương tổ chức hoạt động truyền thông, phân công cán bộ tiếp cận với các đối tượng phụ nữ trong quá trình họ thực hiện các thủ tục kết hôn với người nước ngoài. Theo đánh giá của cán bộ ở đây, công tác truyền thông chưa được thực hiện đáng kể, nguồn thông tin, tài liệu còn thiếu:

“Truyền thông ở xã rất hạn chế, mỗi ngày có mấy phút loa thổi, ngoài ra là qua các cuộc họp, qua lồng ghép. Chúng tôi chưa nhận được tài liệu nào về chuyên môn, chuyên về vấn đề này. Chúng tôi chủ yếu thông qua kế hoạch, hướng dẫn cho cơ sở. Cung cấp thông tin từ trên tỉnh xuống, ví dụ như Công An tỉnh thông tin tình hình buôn bán phụ nữ trẻ em trong tỉnh, các tỉnh khác để mọi người nắm được” (Phòng văn sâu Trưởng Công an xã Song Phú – Huyện Tam Bình – Vĩnh Long)

Nhìn chung, hoạt động truyền thông về phòng chống BBPNTE là một chủ đề phức tạp, khó thực hiện cả về nội dung và hình thức; truyền thông viên cần có kiến thức và kỹ năng tốt trong việc xây dựng nội dung, tiếp cận đối tượng....Để thực hiện có hiệu quả hoạt động truyền thông, các địa bàn khảo sát hiện đang có những khó khăn sau đây:

- Công tác truyền thông chưa được các cấp quản lý quan tâm đúng mức; chưa thực hiện thường xuyên; chưa mạnh, chưa rộng, chưa tiếp cận với các đối tượng đặc thù. Cán bộ các cấp, các ngành thực hiện công tác truyền thông chưa được tập huấn chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng truyền thông, hiểu biết về vấn đề buôn bán chưa rõ ràng, cụ thể. Công tác phối hợp với các ban ngành chức năng còn lỏng lẻo; Đối với các huyện có tình trạng kết hôn với người nước ngoài, việc nắm tình hình phụ nữ - trẻ em bị buôn bán thông qua các dịch vụ môi giới chưa kịp thời.
- Trình độ, hiểu biết của người dân còn hạn chế; hợp tác của người dân với cơ quan chức năng chưa cao. Gia đình nạn nhân ngại cung cấp thông tin, nạn nhân trở về ngại tham gia hoạt động truyền thông.
- Vấn đề di cư diễn ra mạnh mẽ, nhất là di cư tìm việc làm, người dân đi lại, giao thương trên diện rộng, có nguy cơ tiếp xúc với nhiều kẻ buôn người nhưng còn chưa hiểu biết rõ về BBPNTE. Hiện di cư đang vượt khỏi tầm kiểm soát của các cơ quan nhưng chưa có nội dung cụ thể để thực hiện truyền thông.
- Sự lôi kéo dụ dỗ của kẻ xấu vẫn tiếp tục diễn ra. Bên cạnh đó, sự tác động của cơ chế thị trường, coi trọng giá trị vật chất khiến người dân dễ bị lôi kéo, lừa gạt. Đặc biệt, ở huyện Tủa Chùa, người dân tộc H'Mông dễ tin người, nhất là tin người cùng dân tộc mình. Với tình trạng kinh tế phát triển chưa mạnh, người lạ xâm nhập vào địa bàn, thường giả danh là người buôn bán mang theo

hàng và giấy tờ, thủ đoạn nhận lời yêu con gái đi theo mua hàng nên nữ thanh niên ở đây dễ bị mắc lừa.

- Đối với các huyện miền núi như thị xã Cao Bằng, huyện Tủa Chùa, địa bàn rộng, dân cư sống rải rác, nên công tác truyền thông cũng gặp nhiều khó khăn.
- Tác động của văn hóa phẩm từ thị trường, từ nhiều tụ điểm văn hóa không lành mạnh gây ảnh hưởng không tốt đến người dân. Internet, bên cạnh những tác dụng tích cực cũng là một nguy cơ đối với trẻ em, kể cả trẻ em đến trường vì chứa nhiều nguồn văn hóa xấu (thị xã Cao Bằng)
- Tệ nạn xã hội gia tăng, nhất là hiện tượng nghiện ma túy ở nam thanh niên khiến nữ thanh niên chán nản và bị tư tưởng lấy chồng nước ngoài lôi cuốn (tại huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)
- Cán bộ, cơ quan thực hiện công tác truyền thông chưa phối hợp đồng bộ đồng thời chưa được trang bị các loại tài liệu, công cụ, phương tiện truyền thông, cũng như nguồn kinh phí thực hiện hoạt động này quá hạn hẹp.

II. HOẠT ĐỘNG TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG

Công tác phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị buôn bán trở về và

thân nhân, con cái của họ nhằm đảm bảo cho họ quyền được bảo vệ, được sống ổn định đã được các cơ quan tại các địa bàn có thực hiện, nhưng ở mức độ rất thấp. Đối với người bị hại, trải qua rất nhiều gian truân, với nhiều tổn thương về tâm lý, thể chất, họ cần được xã hội động viên, an ủi, hỗ trợ để lấy lại thăng bằng trong cuộc sống, thì theo đánh giá của những người được khảo sát trong cộng đồng, mới chỉ có 10,2% ý kiến cho rằng địa phương đã tiến hành gặp gỡ, tư vấn cho người trở về; số người cho rằng địa phương họ có hỗ trợ thủ tục pháp lý như làm lại chứng minh thư, nhập hộ khẩu, tạo điều kiện cho con cái đến trường; tạo việc làm chỉ có 8,7%; ngoài ra, việc hỗ trợ khẩn cấp cho người trở về như thuốc men, kinh phí để họ bắt đầu ổn định cuộc sống càng ít hơn, chỉ có 3,4%. Đồng thời, trong số những người trả lời ở địa phương họ có hoạt động hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng, số người đánh giá đây là hoạt động hiệu quả cao cũng chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp, từ 2,2% đến 6,2%

Kết quả phỏng vấn người trở về cũng như kết quả các cuộc thảo luận nhóm trong cộng đồng cho thấy, không phải nạn nhân nào trở về cũng được các cơ quan chức năng và cộng đồng hỗ trợ, do nhiều nguyên nhân khác nhau:

“Chúng tôi là Hội phụ nữ, là một đoàn thể chính trị, biết là có tình trạng nạn nhân trở về này song chưa đi sâu được. Trình độ nhận thức của cán bộ cấp xã về tình trạng này còn rất hạn chế. Hơn nữa chúng tôi khó tiếp cận được với những đối tượng bị buôn bán trở về vì họ không cởi mở chia sẻ và rất ngại tham gia vào hoạt động của các tổ chức xã hội. Họ cũng không nói về những nguyện vọng của họ. Về tài chính thì hiện nay xã chúng tôi cũng chưa có nguồn nào để hỗ trợ cho những hoạt động này. Tài liệu cũng chưa có” (PVS Chủ tịch PN xã Duyệt Trung – Cao Bằng)

Ngoài việc ít được tư vấn tâm lý, động viên, hỗ trợ khám chữa bệnh, tìm việc làm, một số người trở về còn gặp khó khăn trong

thời gian dài về việc có được các giấy tờ tùy thân để giao tiếp, làm việc, học tập, thực hiện các quyền công dân của mình.

“Bức xúc của người dân chúng tôi là các cháu còn trẻ bị dụ dỗ, lừa gạt, bị bán đi. Cháu đi 14 năm, gian truân lắm mới trốn được về, nay đã 27 tuổi rồi mà không được làm chứng minh thư, không nhập được hộ khẩu” (Thảo luận nhóm lãnh đạo – Xã Tân Dương – Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)

“Đối với việc nhập hộ khẩu cho người trở về, vì không có cơ quan xác minh cho người đi khỏi địa phương trong thời gian dài là đi đâu, làm gì; mà họ đi lại mang con lai về nên không thể thực hiện theo qui định nhập hộ khẩu được, công an Huyện họ không cho nhập. Lẽ ra khi trở về họ phải đến Công An Trung Quốc để báo cáo lại và có giấy tờ xác minh. Còn việc một số nữ thanh niên lấy chồng Hàn Quốc, là do tự nguyện chứ không phải buôn bán, quá trình sống chung có một số vấn đề không phù hợp nên chia tay, khi họ đi đã cắt hộ khẩu, khi họ trở về tự phát, không có giấy tờ gì, chúng tôi không xác minh được quốc tịch của họ”

(Thảo luận nhóm lãnh đạo xã Tân Dương – Huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)

Ngoài việc hỗ trợ cho nạn nhân đã trở về và các thành viên gia đình của họ, một trong những nội dung của công tác hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho chính gia đình của nạn nhân bị buôn bán chưa trở về - chưa có tin tức; bao gồm thân nhân (bố, mẹ) và con cái họ cũng chưa được các cơ quan và cộng đồng quan tâm. Đây là việc làm hết sức cần thiết vì công tác xác minh, tìm kiếm nạn nhân, truy bắt tội phạm, hỗ trợ gia đình vượt qua cú sốc mất con, mất nguồn lao động, con cái họ mất chỗ dựa là người mẹ sẽ phần nào giúp các gia đình này ổn định cuộc sống.

Để phòng ngừa nạn BBPNT, hoạt động tái hòa nhập cộng đồng cũng cần quan tâm đến các đối tượng nguy cơ cao và gia đình của họ, như nữ thanh niên trong các gia đình kinh tế khó khăn, trình độ văn hóa thấp, đồng con cũng cần được quan tâm hỗ trợ tạo việc làm, tư vấn tâm lý vượt qua khó khăn trong cuộc sống và phòng ngừa các thủ đoạn của kẻ buôn người cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Tập hợp từ thảo luận nhóm lãnh đạo các xã khảo sát, những khó khăn chung trong hoạt động tái hòa nhập cộng đồng như sau:

- Nhận thức của cán bộ cấp xã còn hạn chế; đồng thời chưa có chỉ đạo cụ thể của cấp trên.
- Mặc dù địa phương có hỗ trợ cho người trở về, nhưng còn nhiều chị em thiếu vốn, thiếu việc làm, mặc cảm với cộng đồng.
- Trình độ và sức khỏe của người trở về không đủ để tham gia vào công việc của các cơ quan và doanh nghiệp
- Một số cán bộ tư pháp xã chưa chủ động trong hỗ trợ pháp lý; cơ quan công an chưa nắm bắt được thông tin quốc tịch người trở về; người trở về chưa nhập được hộ khẩu; con lai không nhập khẩu được (riêng tại huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng)
- Một số người dân trong cộng đồng còn phân biệt, kỳ thị người trở về.

- Các địa phương thiếu kinh phí, thuốc men, trang thiết bị y tế để hỗ trợ khám chữa bệnh cho người trở về
- Các địa phương thiếu quỹ đất, thiếu các điều kiện để hỗ trợ người trở về có việc làm ổn định cuộc sống.
- Các xã thiếu kinh phí và tài liệu hướng dẫn cụ thể nội dung hoạt động này

III. HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM

Hoạt động phòng ngừa, theo dõi, phát hiện, truy bắt, tố giác tội phạm BBPNTN được người dân ở các địa bàn khảo sát hết sức quan tâm, bởi đây là loại tội phạm gây hậu quả nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự xã hội, đến tính mạng, đời sống, nhân phẩm của phụ nữ - trẻ em. Song đây cũng là hoạt động hết sức phức tạp, bởi các thủ đoạn của bọn buôn người thường rất tinh vi và xảo quyệt. Khi người trở về tố cáo thì kẻ buôn người hoặc đã cao chạy xa bay, hoặc phủ nhận chứng cứ, lại thiếu người làm chứng nên nhiều kẻ bị hại vẫn phải ngậm cay nuốt đắng, còn kẻ tội phạm lại nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật.

Tuy nhiên, vấn đề cần quan tâm là theo nhận thức của người dân, hoạt động này tại một số địa bàn chưa được tiến hành hiệu quả, nhiều vụ việc chưa được phát hiện kịp thời, hoặc xử lý triệt để.

Đối với hoạt động phòng ngừa và phát động người dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm, nâng cao tính chủ động của nhân dân trong tham gia phòng chống BBPNTN ở các địa bàn khảo sát chưa được thực hiện triệt để. Chỉ có 27,2% người được khảo sát cho biết địa phương họ có triển khai hoạt động này, trong đó tỉ lệ cao nhất là ở Thị xã Cao Bằng chiếm 41,3% và thấp nhất là ở Huyện Tam Bình chỉ có 15,7%. Hai huyện còn lại cũng chỉ chiếm có 25% và 27,5% số ý kiến trả lời. Hiệu quả

hoạt động này cũng chưa được người dân đánh giá tích cực, chỉ có 12,4% số ý kiến cho rằng đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực, hiệu quả trong cộng đồng.

Số người cho rằng hoạt động điều tra, bắt giữ, truy tố tội phạm được triển khai tại địa phương cũng chiếm tỉ lệ rất khiêm tốn, chỉ có 14,6% số ý kiến trả lời, trong khi đó, chỉ có 4,6% người dân và cán bộ đánh giá đây là hoạt động có hiệu quả.

Khó khăn đầu tiên trong hoạt động này phải kể đến vấn đề kinh phí để triển khai trên diện rộng:

“Chưa có kinh phí cho chương trình 130 (chương trình phòng chống buôn bán phụ nữ - trẻ em) và 138 (chương trình phòng chống tội phạm). Hằng năm có 3 triệu để đảm bảo cho an ninh trật tự toàn phường, mà đó là 3-5 năm trở lại đây mới được như thế. Với số tiền như thế thì làm sao mà phân bổ đầy đủ cho các hoạt động cụ thể được” (PVS Trường Công an Phường Sông Hiến)

“Vấn đề lập hồ sơ và quản lý hồ sơ người đi, người trở về, gia đình người đi, người trở về phải có tính chuyên nghiệp hơn. Để quản lý chung và quản lý nội dung này nói riêng tốt hơn, tôi rất muốn và mạnh dạn đề nghị được trang bị một máy vi tính riêng cho công an” (Phòng văn sâu trưởng Công an xã Duyệt Trung – Cao Bằng)

Ngoài ra, tập hợp các ý kiến phòng văn sâu, thảo luận nhóm, tọa đàm lãnh đạo địa phương, các khó khăn khác trong phòng chống, truy bắt tội phạm được thống kê như sau:

- Công tác vận động người dân tham gia tố giác tội phạm chưa được thực hiện đủ mạnh.
- Gia đình, cộng đồng không khai báo kịp thời khi có người đi lấy chồng có yếu tố nước ngoài không hợp pháp hoặc đi làm ăn xa bị mất tích.

- Giao tiếp, giao thương, đi lại của người dân hiện nay rộng, khó kiểm soát. Người đến và người ở địa bàn đi các địa phương khác không khai báo tạm trú, tạm vắng. Ở tỉnh biên giới như Cao Bằng có nhiều đường tiểu ngạch đi Trung Quốc khó kiểm soát; ở Tủa Chùa, Điện Biên, người dân đi Lao Cai, đi Trung Quốc cũng khó theo dõi các yếu tố nguy cơ. Ở huyện Thủy Nguyên và Tam Bình, người dân đi làm xa ở các địa phương khác đồng.
- Trình độ công an viên còn hạn chế, thiếu kỹ năng khai thác thông tin đối tượng tình nghi. Tại một số địa phương, Công an địa phương chưa có hành động phản ứng lại với đơn kiến nghị của người trở về một cách kịp thời nhằm xúc tiến nhanh việc bảo vệ quyền và lợi ích của nạn nhân.
- Kế hoạch liên tịch giữa các ngành chưa được xây dựng cụ thể; kinh phí hạn hẹp, chưa đảm bảo hiệu quả hoạt động
- Chưa có cơ chế thông tin qua lại giữa Việt Nam và các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, nên Việt Nam chưa nắm bắt được thông tin về quốc tịch của người trở về.
- Trong tình hình phụ nữ kết hôn với người nước ngoài đang có chiều hướng gia tăng, việc theo dõi, các đường dây mai mối hoạt động không công khai, nên việc nắm bắt các đường dây mai mối phụ nữ lấy chồng nước ngoài trái với luật pháp rất khó khăn.

IV. XU HƯỚNG, NGUY CƠ CỦA NẠN BBPNTTE TẠI CÁC ĐỊA BÀN KHẢO SÁT TRONG THỜI GIAN TỚI

Xu hướng nạn BBPNTTE phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đó là hoạt động của cơ quan chức năng, nhận thức, hiểu biết của người dân về vấn đề này cộng với các yếu tố tác động từ bên ngoài của vấn đề như việc đi lại, giao thương, giao lưu của người dân,

quá trình tiếp xúc với những người bên ngoài cộng đồng.

Nếu xét riêng về vấn đề đi lại, tiếp xúc của người dân với những người bên ngoài cộng đồng, thực tế này diễn ra rất sôi động. Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, nhà nước khuyến khích các hộ gia đình và các thành phần kinh tế chủ động tham gia vào các lĩnh vực lao động, việc làm, thì việc đi lại của người dân ở các xã khảo sát diễn ra rất đa dạng. Ở mỗi xã, tổng số điểm đi của người dân không dưới 10 điểm, phạm vi đi lại, giao thương, gặp gỡ của người dân rất rộng, vượt xa một xã, một huyện mà là nhiều huyện, nhiều tỉnh trong cả nước. Đơn cử ở 2 xã Mường Báng và Sinh Phình, điểm đi lại của người dân là các tỉnh khác, các huyện trong các tỉnh khác: Sa Pa, Lào Cai, Mường Tè, Phong Thổ (Lai Châu) Sinh Hồ, Si Pha Thì, Than Uyên, Mường Nhé, Thái Bình, Hòa Bình. Còn hai xã Tân Dương và Trung Hà huyện Thủy Nguyên, thì người dân đi tận Thành phố Hồ Chí Minh, Móng Cái, Hà Nội, Hải Phòng....và kể cả sang Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan để xuất khẩu lao động.

Tổng hợp từ phiếu điều tra, tất cả các xã thuộc các huyện khảo sát đều có tỉ lệ cao người trả lời cho biết địa phương người đi làm xa (71,8%), người đi xuất khẩu lao động (63,7%), người đi lấy chồng nước ngoài (53,8%) và 31,9% cho rằng địa phương họ có người mất tích không rõ nguyên nhân.

Với thực tế hoạt động phòng chống BBPNTTE chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, cán bộ ban ngành các cấp thiếu kiến thức và kỹ năng cũng như các nguồn lực về kinh phí, tài liệu, kể cả thiếu cơ chế hoạt động phối hợp; hiểu biết của người dân để phòng ngừa bị lừa gạt, buôn bán còn thấp thì nguy cơ xảy ra tình trạng buôn bán phụ nữ trẻ em tại các địa bàn nghiên cứu là rất cao. Nguy cơ của nạn buôn bán phụ nữ - trẻ em được cả cán bộ và người

dân tỏ ra rất lo ngại ở cả hai hình thức: lừa gạt, bắt cóc, cưỡng ép cũng như lừa gạt thông qua hình thức hôn nhân trá hình với người nước ngoài và xuất khẩu lao động. Bí thư Đảng ủy xã Trung Hà – huyện Thủy Nguyên cho biết: *"Việc kết hôn với người nước ngoài ở địa bàn diễn ra rất phức tạp và có xu hướng gia tăng. Hiện nay chúng tôi chỉ biết những người được kết hôn có chứng nhận và đủ yếu tố pháp lý, nhưng những nỗi*

đau của phụ nữ đang sau sự lựa chọn chồng ngoại, cùng với những cuộc hôn nhân đang dở thì chúng tôi chưa nắm hết và chưa có biện pháp cụ thể. Hy vọng với sự hỗ trợ của tổ chức ActionAid Việt Nam, chúng tôi sẽ có được sự hỗ trợ về kiến thức, biện pháp tuyên truyền để phụ nữ có thể giảm thiểu các nguy cơ rủi ro cho cả cuộc đời hạnh phúc của họ.



Kết luận và đề xuất các hoạt động can thiệp tại các địa bàn khảo sát

I. KẾT LUẬN

1. Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng BBPNTÉ diễn ra trên tất cả các địa bàn khảo sát. Có hai biểu hiện của thực trạng này, đó là (1) tình trạng phụ nữ - trẻ em bị lừa gạt, ép buộc, bắt cóc buôn bán sang Trung Quốc lấy chồng hoặc phục vụ cho các mục đích khác; tình trạng này giảm trong những năm gần đây ở Thị xã Cao Bằng và huyện Thủy Nguyên nhưng có chiều hướng gia tăng ở huyện Tủa Chùa; và (2) phụ nữ kết hôn với người nước ngoài nhưng trong quá trình đó có yếu tố bị lừa gạt, buôn bán do đường dây môi giới thực hiện ở huyện Thủy Nguyên và huyện Tam Bình và có chiều hướng gia tăng ở huyện Thủy Nguyên.

2. Có nhiều nguyên nhân xảy ra tình trạng này, nhưng xét về bản thân phụ nữ, có các yếu tố chi phối đó là do khó khăn, bế tắc về kinh tế và cuộc sống, hôn nhân gia đình; muốn tìm cơ hội việc làm, nghề nghiệp và hôn nhân nhưng lại thiếu kiến thức về phòng ngừa BBPNTÉ; do yếu tố tâm lý nhẹ dạ, cả tin (thị xã Cao Bằng, huyện Tủa Chùa, huyện Thủy Nguyên); tâm lý muốn thoát khỏi bế tắc của cuộc sống, cầu may trong hôn nhân với người nước ngoài, đồng thời lấy chồng ngoại để báo hiếu cho cha mẹ tháo gỡ khó khăn kinh tế nhưng nhận thức chưa đúng về các điều kiện và giá trị của một cuộc hôn nhân bền vững (huyện Thủy Nguyên, huyện Tam Bình). Có nguyên nhân khác như quan hệ bạn bè nam nữ dễ dãi (huyện Tủa Chùa). Nguyên nhân từ gia đình và cộng đồng được phát hiện ít hơn, nhưng có thể thấy đó là do gia đình cộng đồng chưa hiểu biết cũng như đề cao cảnh giác với nạn buôn người; một số gia đình mâu thuẫn, bạo lực, tan vỡ hay thiếu quan

tâm và trách nhiệm trong nuôi dạy con; không báo cáo kịp thời tình trạng con mất tích hay giao tiếp với đối tượng tình nghi cho các cơ quan chức năng; tệ nạn xã hội gia tăng nhất là ở nam thanh niên tác động đến tư tưởng lấy chồng ngoại của nữ thanh niên (huyện Thủy Nguyên Chùa). Nguyên nhân khách quan từ yếu tố cung-cầu của vấn đề BBPNTÉ trong khu vực cũng là vấn đề cần quan tâm. Đồng thời một nguyên nhân quan trọng nữa là từ hoạt động chưa mạnh, chưa hiệu quả trong công tác truyền thông phòng ngừa cũng như phòng chống tội phạm của các cơ quan chức năng nên chưa đối phó được với các đường dây tội phạm BBPNTÉ gia tăng trong khu vực.

3. Cho dù thực trạng buôn bán phụ nữ trẻ em diễn ra ở tất cả các địa bàn khảo sát nhưng hiểu biết của người dân và cán bộ về vấn đề này chưa rõ. Nhận thức của người dân còn thấp từ khái niệm thế nào là buôn bán người, các biểu hiện của hiện tượng này; nguyên nhân, hậu quả; những đối tượng nào dễ bị bọn buôn người lừa gạt cho đến các thủ đoạn của bọn buôn người cũng như luật pháp, chính sách có liên quan. Đặc biệt, trong vấn đề kết hôn với người nước ngoài thông qua con đường môi giới - đây là hiện tượng mới xảy ra trong những năm gần đây, núp dưới vỏ bọc môi giới và là kết hôn hợp pháp được nhà nước công nhận nên cả cán bộ và người dân chưa phát hiện rõ các yếu tố buôn bán phụ nữ trong vấn đề này. So sánh giữa các địa bàn khảo sát và các nhóm đối tượng, Thị xã Cao Bằng là nơi người trả lời có tỉ lệ hiểu biết cao nhất, và huyện Tủa Chùa là nơi người trả lời có tỉ lệ hiểu biết thấp nhất; cán bộ có hiểu biết cao hơn người dân và nam giới có hiểu biết cao hơn phụ nữ. Xem xét sâu hơn



Kết quả thảo luận nhóm đi lại

trong các nhóm đối tượng, ở tất cả các vùng khảo sát, phụ nữ chưa lập gia đình, phụ nữ đơn thân, phụ nữ chung sống không kết hôn, cả nam và nữ có con – từ 3 con trở lên và những người có con <15 tuổi có tỉ lệ rất cao chưa hiểu rõ về vấn đề BBPNT. Đây là các đối tượng mà chương trình truyền thông của các cơ quan, tổ chức cần chú ý nâng cao nhận thức cho họ.

Đối với trẻ em vị thành niên, kết quả khảo sát cũng cho thấy trẻ em từ 10-15 tuổi ở tất cả các địa bàn đều chưa được trang bị kiến thức đầy đủ và có hệ thống về vấn đề BBPNT, mà nguồn thông tin các em biết được chỉ do từ người lớn, thầy cô giáo dặn dò hoặc qua báo đài, ti vi (ngoại trừ ở thị xã Cao Bằng, các em được dự các buổi sinh hoạt ngoại khóa).

4. Hoạt động phòng chống BBPNT ở tất cả các nội dung: truyền thông phòng ngừa, phòng chống tội phạm, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng đều đã được tiến hành nhưng chưa chuyên sâu và chưa mạnh, hiệu quả chưa cao.

Hoạt động truyền thông đã được thực hiện chỉ mới là hoạt động lồng ghép, chưa chuyên sâu nên nội dung và hình thức hoạt động chưa đa dạng.

Hoạt động phòng, chống tội phạm BBPNT như phát động – nâng cao tính chủ động của người dân trong tham gia phát hiện, tố giác tội phạm; việc theo dõi, lập hồ sơ, đấu tranh, phát hiện đối tượng tinh nghi, tìm kiếm nạn nhân bị buôn bán chưa đạt hiệu quả cao.

Công tác tái hòa nhập cộng đồng chỉ mới được Hội phụ nữ tiến hành trên một số nội dung tư vấn tâm lý và hỗ trợ một số ít người trở về vay vốn, tạo việc làm. Các nội dung khác như tư vấn và hỗ trợ các thủ tục pháp lý, khám chữa bệnh, đào tạo nghề; tạo điều kiện - khuyến khích người trở về tham gia các hoạt động cộng đồng chưa được thực hiện tốt. Đối với những người nghi bị buôn bán, mất tích, việc quan tâm đến thân nhân và con cái của họ, hỗ trợ gia đình vượt qua khó khăn mất con, mất nguồn lao động hay trẻ em mất chỗ dựa từ người mẹ chưa được quan tâm thực hiện. Đối với những người có nguy cơ cao, việc lập danh sách, theo dõi hồ sơ, tư vấn về nghề nghiệp, việc làm, hôn nhân và phòng ngừa buôn bán phụ nữ trẻ em chưa được tiến hành.

Nguyên nhân hạn chế hiệu quả của hoạt động phòng chống BBPNT được phân tích tại cộng đồng là do công tác chỉ đạo chưa sát sao, hoạt động phối hợp của Ban chỉ đạo liên ngành 130 còn lỏng lẻo; do khó khăn về nguồn lực con người – cán bộ chưa được đào tạo, chưa hiểu biết thấu đáo về nhiệm vụ công tác cũng như khó khăn về nguồn lực vật chất – kinh phí, phương tiện..., trong khi đó, các yếu tố tác động từ xã hội, các yếu tố nguy cơ cũng như tình hình gia tăng của loại tội phạm này đang diễn biến phức tạp.

5. Nguy cơ của nạn BBPNT được cộng đồng hết sức lo ngại ở cả hai hình thức (bị

lừa gạt, buôn bán và thông qua môi giới hôn nhân trá hình) do nhiều yếu tố như hiểu biết thấp của cộng đồng về BBPNT; đời sống kinh tế, việc làm, hôn nhân gặp khó khăn – bế tắc, môi trường giao tiếp, đi lại mở rộng, tệ nạn xã hội gia tăng; tội phạm BBPNT đẩy mạnh hoạt động, hiệu quả hoạt động phòng chống BBPNT còn thấp.

II. KIẾN NGHỊ CÁC HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP PHÙ HỢP

Xuất phát từ thực trạng BBPNT tại địa phương, kết quả khảo sát cho thấy cộng đồng rất quan tâm và đề xuất cụ thể các

giải pháp can thiệp nhằm giải quyết các nguyên nhân và thực hiện hoạt động phòng chống BBPNT một cách hiệu quả. Đó là:

- Giải quyết vấn đề kinh tế khó khăn – thiếu việc làm: Cần có các chương trình xóa đói giảm nghèo, trong đó chú ý các gia đình có nguy cơ cao, đối tượng trở về
- Người dân thiếu hiểu biết, cán bộ thiếu kỹ năng, kinh nghiệm phòng chống BBPNT: Cần thực hiện các hoạt động xóa mù, nâng cao trình độ văn hóa; cung cấp thông tin nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về vấn đề này.

Muốn ngăn chặn được sự ra đi không an toàn, trước tiên là phải nâng cao đời sống kinh tế cho phụ nữ. Hiện nay ở xã có đến 300-400 chị em trong tổng số 978 hội viên phụ nữ không có việc làm ổn định, chỉ làm gia công ở nhà như tách hạt điều, đan thảm nhưng không đủ việc. Vì vậy dạy nghề và tạo việc làm lâu dài cho phụ nữ là rất cần thiết (PVS Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Song Phú – Huyện Tam Bình)

- Cộng đồng chưa nắm rõ luật pháp chính sách về PCBBPNT: Cần tuyên truyền phổ biến chính sách dưới nhiều hình thức cho cả cán bộ, cộng đồng
- Thiếu kinh phí, phương tiện, điều kiện, nội dung, tài liệu để tiến hành các hoạt động phòng chống BBPNT... các cơ quan, tổ chức cần hỗ trợ.
- Công tác chỉ đạo chưa chuyên biệt, đồng bộ, chặt chẽ, thường xuyên: Cần nâng cao năng lực hoạt động cho ban chỉ đạo, tổ chức mạng lưới truyền thông viên, tổ chức phối hợp hoạt động và đưa vào kế hoạch thường xuyên của các địa phương.
- Công tác thu thập thông tin, trao đổi thông tin chưa tốt, cần khắc phục: Lập hồ sơ quản lý đối tượng. Phát động quần chúng cung cấp thông tin, thông báo kịp thời những vấn đề xảy ra...
- Đối tượng trở về hoặc gia đình có con bị buôn bán còn e dè, ngại tham gia hoạt động truyền thông: Vận động họ tham gia vào mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên...
- Giao thương đi lại khó kiểm soát: xây dựng mạng lưới giữa các địa phương có liên quan để thông tin, kiểm soát kịp thời các vụ việc nghi vấn

Tuy nhiên, phòng chống BBPNT là một chương trình lớn, cần có sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành, cần phối hợp nhiều hoạt động. Trong phạm vi mục tiêu của đợt khảo sát, và dựa trên mục tiêu chương trình Quyền Phụ nữ của tổ chức ActionAid, nhóm nghiên cứu đề xuất một số hoạt động cụ thể như sau:

1. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống

BBPNTE cấp huyện và xã (đặc biệt là cấp xã). Xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên cấp cơ sở. Để hoạt động của Ban chỉ đạo có hiệu quả, cần có một nguồn kinh phí ổn định từ các dự án hoặc từ ngân sách.

2. Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các thành viên Ban chỉ đạo và đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên về :

- Nội dung về vấn đề BBPNTE: khái niệm BBPNTE; các hình thức biểu hiện của BBPNTE; sự khác biệt giữa vấn đề di cư và vấn đề buôn bán người; nhất là các yếu tố thể hiện vấn đề BBPN trong thực tế kết hôn với người nước ngoài, đặc biệt chú trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cô dâu Việt liên quan đến cuộc sống gia đình cũng như khi ly hôn. Các nội dung khác như đối tượng dễ bị lừa gạt, buôn bán; các thủ đoạn của kẻ buôn người; nguyên nhân và hậu quả của vấn đề, luật pháp chính sách liên quan và các biện pháp phòng ngừa cần chú trọng. Một nội dung quan trọng cần đưa vào trong khóa tập huấn này là các vấn đề bình đẳng giới, quyền phụ nữ, bạo lực gia đình trên cơ sở giới để cung cấp kiến thức cho cán bộ, người dân; góp phần tìm cách giải quyết các nguyên nhân về giới – gia đình liên quan đến vấn đề buôn bán phụ nữ - trẻ em.
- Phương pháp và kỹ năng truyền thông có hiệu quả, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào công tác truyền thông như: Kỹ năng trình bày, quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi; kỹ năng tổ chức và điều hành sinh hoạt nhóm; kỹ năng thành lập nhóm đối tượng, thu hút sự tham gia của người trở về.
- Kinh nghiệm hoạt động, kỹ năng tư vấn và các vấn đề cần thiết trong công tác tái hoà nhập cộng đồng...
- Phương pháp, kỹ năng xây dựng mục tiêu, kế hoạch hoạt động về

PCBBPNTE của Ban chỉ đạo và các Ban ngành chức năng.

3. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông trên diện rộng nhằm tạo chuyển biến trong cộng đồng dân cư.

- Nội dung truyền thông: cần nhấn mạnh vào những kiến thức mà người dân chưa hiểu rõ như thế nào là BBPNTE và các hình thức biểu hiện. Nguyên nhân và hậu quả của BBPNTE; âm mưu, thủ đoạn, các hình thức biểu hiện của cá nhân hoặc các đường dây tội phạm; nâng cao tính chủ động phòng tránh, đề cao cảnh giác, phát hiện và cung cấp thông tin liên quan cho các cơ quan chức năng.
- Đa dạng hoá các hình thức truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả:
 - + Tuyên truyền miệng thông qua các cuộc họp tổ, nhóm dân cư, họp tổ nhóm hội viên các đoàn thể/trường học, các nhóm đối tượng đặc thù của địa phương.
 - + Đưa nội dung BBPNTE vào các loại hình văn hoá quần chúng tại địa phương: viết các tiểu phẩm đưa vào sinh hoạt câu lạc bộ; biểu diễn văn nghệ quần chúng, các hội thi sáng tác, thi tìm hiểu...
 - + Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống loa truyền thanh, truyền hình...
 - + Trưng bày Panô, áp phích tại nơi công cộng; phát tờ rơi, sách mỏng cho các gia đình...
 - + Sử dụng người thật, việc thật, khuyến khích nạn nhân trở về hoặc thành viên gia đình có người bị buôn bán chưa trở về tham gia vào các hoạt động truyền thông.

Công tác truyền thông cần tập trung vào các đối tượng có nguy cơ cao nhưng lại thiếu hiểu biết về vấn đề BBPNTE như phụ nữ nói chung, phụ nữ trẻ, phụ nữ và nam

giới đơn thân, phụ nữ có con chưa trưởng thành. Đặc biệt, ở huyện Thủy Nguyên – Hải Phòng cần nắm thông tin và truyền thông đến những người lấy chồng nước ngoài trở về đang thực hiện các hành vi vận động, môi giới cho các đối tượng khác tại địa phương...

4. Công tác tái hoà nhập cộng đồng

- Thu thập thông tin, số liệu để lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, theo dõi diễn biến tình hình các nạn nhân; gia đình nạn nhân; người trở về, gia đình người trở về; đối tượng nguy cơ cao và đối tượng bị tình nghi là tội phạm.
- Tiếp cận, tư vấn, hỗ trợ người trở về như hỗ trợ vốn sinh kế, đào tạo nghề, tập huấn khoa học kỹ thuật sản xuất, chăn nuôi; khám chữa bệnh, tư vấn tâm lý và pháp lý, tạo môi trường thu hút những người trở về tham gia các hoạt động cộng đồng....
- Thu thập thông tin, tìm kiếm nạn nhân chưa có tin tức và hỗ trợ thân nhân, gia đình họ khi cần thiết.
- Quan tâm giúp đỡ các đối tượng có nguy cơ cao tư vấn tìm việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn hôn nhân gia đình, hôn nhân – nhất là hôn nhân với người nước ngoài; các kiến thức liên quan đến di cư và vấn đề BBPNT để họ biết cách phòng tránh.
- Lồng ghép chương trình PCBBPNT với các hoạt động xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập; phòng chống tệ nạn xã hội; nâng cao đời sống văn hoá khu dân cư.
- Đề nghị nhà nước cần bổ sung thêm các qui định về vấn đề hỗ trợ vốn, hỗ trợ đất ở, qui định nhập hộ khẩu riêng cho người trở về.

5. Công tác phòng chống tội phạm

- Lập các hòm thư nóng tại các điểm đông dân cư; phát động phong trào toàn dân tham gia kiểm soát sớm,



Để xuất hoạt động

cung cấp thông tin thường xuyên, biểu dương thành tích kịp thời

- Vận động các gia đình khai báo kịp thời khi có người đi làm ăn xa bị mất tích, hoặc thành viên trong gia đình có mối quan hệ với người lạ có tình nghi.
- Vận động người dân khai báo tạm trú tạm vắng theo quy định của pháp luật để được pháp luật bảo vệ khi có nguy cơ bị buôn bán.
- Thường xuyên theo dõi các dấu hiệu BBPNT tại địa bàn và kịp thời xác minh, đấu tranh, truy bắt tội phạm BBPNT khi được quần chúng nhân dân khai báo hoặc phát hiện các biểu hiện bất thường.
- Đẩy mạnh hoạt động quản lý các tổ chức, cá nhân mai mối lấy chồng nước ngoài, phát hiện kịp thời các hành vi lừa gạt, kịp thời bắt giữ, truy tố trước pháp luật.

6. Các hoạt động khác:

- Cần tiếp tục nghiên cứu đề nghị với Nhà nước có qui định quá trình tìm hiểu, kết hôn giữa người nước ngoài

với người Việt Nam đúng với thuần phong, mỹ tục, đạo đức hôn nhân của người Việt Nam: cần có quá trình tìm hiểu giữa hai bên nam nữ và hai bên gia đình về hoàn cảnh sống, phong tục tập quán... tránh tình trạng cưới hay mua vợ Việt của nam giới nước ngoài hiện nay. Đồng thời, cần có qui định rõ về vấn đề bảo vệ quyền lợi của phụ nữ Việt làm dâu các nước láng giềng, như các điều kiện tránh bị bạo lực gia đình cả về tinh thần và thể xác, bị sỉ nhục, hạ thấp nhân phẩm, hoặc bị buôn đi bán lại...

- Các tổ chức quốc tế cần quan tâm hỗ trợ nhiều hơn trong việc xây dựng mạng lưới hợp tác phòng chống BBPNTE cấp quốc gia và khu vực, nhằm cung cấp, trao đổi thông tin, tác chiến kịp thời về các vụ việc BBPNTE xuyên quốc gia, xuyên khu vực.
- Các cơ quan trong nước và các tổ chức quốc tế cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để có những văn bản luật pháp, chính sách và chương trình can thiệp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống BBPNTE.

PHỤ LỤC

I. Thông tin chung về địa bàn khảo sát

Địa bàn	Diện tích tự nhiên (km ²)	Dân số (người)	Dân số nữ (người)	Số trẻ em gái vị thành niên (người)	Số lao động (người)	Lao động nữ (người)	Số hộ gia đình (Hộ)	Số hộ do phụ nữ làm chủ hộ (Hộ)	Thu nhập bình quân đầu người/ năm (VN đồng)	Số hộ nghèo do PN làm chủ hộ (hộ)	Tỉ lệ hộ nghèo chung (%)
Thị xã Cao Bằng *	50,06	55.661									4,65
Phường Sông Hiến	9,55	9.014	4.520	271	3.788	1.898	2.492	747	400.000	60	5,3
Xã Duyệt Trung	9,89	2.640	1.332	92	1.567	723	720	54	350.000	28	11,0
Huyện Tủa Chùa *	679,41	45.710	11.734		20.273	9.933	7.487	364		210	51,0
Huyện Thủy Nguyên	242,7	299.752	152.594		158.317	79.206	73.122		13.420.000	2.624	6,74
Xã Tân Dương	4,794	8.853	4.456	692	5.222	3.926	2.035	725	4.500.000	70	6,4
Xã Trung Hà	3,914	5.332	2.673	317	3.199	1.283	1.226	88	5.200.000	33	11,0
Huyện Tam Bình	279,72	165.214	84.597		95.412	45.700	36.278		7.980.000	784	11,6
Xã Ngải Tứ	25,25	16.857	8.563	580	8.915		3.084	99	8.600.000	47	12,0

Thị xã Cao Bằng gồm 8 xã/phường, có 5 dân tộc Tây, Nùng, Kinh, Dao, H'Mông chung sống, trong đó, dân tộc Tây chiếm 47,53%, dân tộc Nùng chiếm 19,97%, dân tộc Dao ít hơn, chiếm 0,12%.

Huyện Tủa Chùa: có 12 xã/thị trấn, gồm 7 dân tộc chung sống, trong đó dân tộc H'Mông chiếm 73%.

Huyện Thủy Nguyên: có 37 xã/thị trấn.

Huyện Tam Bình có: 17 xã/thị trấn.

II. Danh sách các tài liệu tham khảo

1. Báo cáo hoạt động phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em năm 2007 – Trung Ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
2. Báo cáo khảo sát tại tỉnh Đồng Tháp: Vấn đề phụ nữ kết hôn với người nước ngoài và thực hiện chức năng đại diện của Hội phụ nữ cơ sở - 2008- Trung Ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
3. Báo cáo Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006 – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tổng cục thống kê, Viện Gia đình và Giới; Quỹ Nhi đồng liên hiệp Quốc
4. Bài: Nhân rộng mô hình phòng ngừa BBPNT – VOVNEW.VN, thứ năm 19/06/2008 (thông tin về Hội thảo phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội và Văn phòng tổ chức Lao động quốc tế tại Việt Nam (ILO) tổ chức vào ngày 19-20/6/2008 tại Thành phố Hồ Chí Minh)
5. Bài: Công bố thông tư hướng dẫn việc tiếp nhận phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về. Nguồn: hanoimoi.com; ngày 28/06/2008
6. Bài: Nâng cao hiệu quả phòng, chống buôn người tại Việt Nam – Trang tin thư viện pháp luật. Thứ sáu, 12/09/2008
7. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện chương trình hành động phòng chống tội phạm BBPNT, số: 16/2007/CT-TTg
8. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số:312/2005/QĐ-TTg về việc Phê duyệt các đề án thuộc Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2005 đến năm 2010.
9. Báo cáo về nạn buôn người – Văn phòng Giám sát và Chống buôn người Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ công bố Ngày 5 tháng 6 năm 2006
10. Bài “Cưới hay mua vợ Việt Nam” - Báo Tuổi Trẻ Online, Thứ Ba, 25/04/2006
11. Bài “Biểu tình phản đối bài báo về cô dâu Việt tại Hàn Quốc” – Báo Vietnamnet, 26/4/2006
12. Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (có qui định liên quan đến kết hôn với người nước ngoài)

lil. Các bảng số liệu

Bảng 1: Tỷ lệ người trả lời khẳng định có tình trạng BBPNTE ở địa phương và biết rõ số người bị bán – % số ý kiến tương quan theo địa bàn khảo sát

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Có và biết rõ số người bị buôn bán	66,3	66,3	45,0	9,6	46,4
Không có	12,5	21,3	33,8	77,1	36,5
Không biết	13,8	12,5	15,0	13,3	13,6
Có nhưng không biết rõ số người bị buôn bán	7,5	0,0	6,3	0,0	3,4

Bảng 2. Tỷ lệ người trả lời cho biết đối tượng phụ nữ bị buôn bán tại địa phương % số ý kiến tương quan theo địa bàn khảo sát

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Phụ nữ đơn thân	30,0	32,5	30,0	6,0	24,5
Phụ nữ trong gia đình nghèo	37,5	6,3	22,5	1,2	16,7
Phụ nữ đã có gia đình	20,0	25,0	11,3	0,0	13,9
Phụ nữ thất nghiệp	30,0	1,3	26,3	1,2	14,6
Phụ nữ có việc làm	1,3	8,8	5,0	0,0	3,7
Phụ nữ trong gia đình khá giả	5,0	0,0	2,5	0,0	1,9
Phụ nữ thuộc đối tượng khác	5,0	17,5	11,3	0,0	8,4

Bảng 3 .Tỉ lệ người trả lời cho biết tình trạng cuộc sống của phụ nữ - trẻ em bị buôn bán trở về địa bàn

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Đã ổn định và hòa nhập với cộng đồng	37,5	0,0	27,5	2,4	20,4
Thiếu việc làm	20,0	0,0	21,3	2,4	11,1
Thiếu chỗ ở	8,8	0,0	13,8	0,0	5,6
Bệnh tật, sức khỏe yếu	6,3	0,0	13,8	0,0	5,0
Thiếu đất sản xuất	8,8	0,0	6,3	2,4	4,3
Khác (thiếu giấy tờ tùy thân, gia đình không ổn định...)	8,8	0,0	13,8	0,0	7,1

Bảng 4: Tỉ lệ người trả lời có nghe nói đến vấn đề BBPNTE theo địa bàn khảo sát

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Chưa bao giờ	3,8	21,3	5,0	13,3	10,8
Nghe nhưng chưa hiểu rõ	50,0%	57,5%	52,5%	69,9%	57,6%
Nghe và đã hiểu rõ	46,3%	20,0%	41,3%	16,9%	31,0%

Bảng 5. Hiểu biết của người trả lời về các hiện tượng buôn bán phụ nữ - trẻ em -% ý kiến trả lời

	Là BBPNTE	Không là BBPNTE	Không biết	Không trả lời	Tổng số
Tự nguyện lấy chồng nước ngoài	5,9	80,8	11,5	1,9	100,0
Tự nguyện lấy chồng nước ngoài nhưng sau đó bị ép làm các công việc khác (giúp việc gia đình, làm gái mại dâm)	57,9	24,5	16,7	0,9	100,0

Bị lừa, bắt ép lấy chồng nước ngoài	83,0	5,3	11,1	0,6	100,0
Nhận con nuôi	10,8	71,2	17,0	0,9	100,0
Nhận con nuôi với mục đích bóc lột sức lao động	63,5	19,2	16,4	0,9	100,0
Đi xuất khẩu lao động	7,1	76,8	14,9	1,2	100,0
Đi xuất khẩu lao động nhưng sau đó bị ép làm công việc khác mà không được trả lương	58,5	21,4	19,8	0,3	100,0
Bị lừa đi xuất khẩu lao động và sau đó bị bỏ rơi	70,6	9,3	19,5	0,6	100,0

Bảng 6. Hiểu biết của người trả lời về các đối tượng PN dễ bị lừa gạt, buôn bán – % ý kiến trả lời tương quan theo nghề nghiệp và giới tính

Đối tượng PN dễ bị buôn bán	Cán bộ	Người dân	Nam	Nữ	Trung Bình
Kinh tế gia đình khó khăn, thiếu việc làm	79,5	65,4	77,8	63,5	69,0
Thường là người có học vấn thấp, ít hiểu biết	81,9	61,7	70,6	64,5	66,9
Thường là phụ nữ lười lao động nhưng muốn có cuộc sống giàu sang	78,3	62,5	69,0	65,0	66,6
Thường là người nhẹ dạ cả tin	84,3	56,7	71,4	58,9	63,8
Thường là người có gia đình không hạnh phúc	60,2	45,4	57,1	44,2	49,2
Thường là phụ nữ đơn thân	43,9	33,8	41,6	33,0	36,3
Thường là phụ nữ trẻ, có nhan sắc	37,3	35,8	44,4	31,0	36,2
Không biết	1,2	7,5	4,0	7,1	5,9

Bảng 7: Hiểu biết của người trả lời về đối tượng có thể là kẻ lừa gạt, buôn bán phụ nữ - trẻ em-% ý kiến trả lời tương quan theo địa bàn khảo sát

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Là người lạ từ nơi khác đến	71,3	75,0	42,5	58,5	61,8
Là người quen, bạn bè	65,0	22,5	47,5	41,0	44,0
Là người cùng làng, cùng quê, cùng làm ăn buôn bán	72,5	16,25	40,0	42,2	42,7
Là người đã từng bị buôn bán trở về	56,3	7,5	46,3	32,5	35,6
Thường là dân trộm cướp hoặc nghiện hút ma túy	43,8	13,8	28,8	31,3	29,4
Thường có diện mạo gian xảo, dễ nhận biết nếu chú ý	50,0	17,5	15,0	21,7	26,0
Là người trong gia đình, họ hàng	42,5	11,3	23,8	15,7	23,2
Khác	5,0	11,3	33,8	3,6	13,3
Không biết	3,8	13,8	5,0	7,2	7,4

Bảng 8 . Hiểu biết của người trả lời về hậu quả của BBPNTÉ đối với gia đình và xã hội - % ý kiến trả lời theo các đối tượng có tỉ lệ trả lời thấp nhất

	Người sống ở huyện Tủa Chùa	Phụ nữ đơn thân	Người có 3 con trở lên	Người có con <15 tuổi	Người <30 tuổi	Trung Bình
Gia đình người bị buôn bán	85,0	57,1	88,2	86,2	92,7	88,9
Cộng đồng và xã hội	53,8	57,1	65,4	67,8	67,3	75,2
Không biết	11,3	42,9	6,3	7,8	3,6	5,0
Không có ảnh hưởng gì	2,5	0,0	2,4	1,7	1,8	1,6

Bảng 9. Hiểu biết của người trả về các chính sách và chương trình phòng chống BBPNTE – % ý kiến trả lời tương quan theo địa bàn và nghề nghiệp

	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Cán bộ	Người dân địa phương	Trung Bình
Đã có	60,0	43,8	27,5	44,6	57,8	39,2	44,0
Chưa có	13,8	20,0	10,0	20,5	14,5	16,7	16,1
Không có	12,5	30,0	3,8	32,5	3,6	25,4	19,8
Đã có nhưng không nhớ nội dung cụ thể	11,3	5,0	58,8	2,4	22,9	17,9	19,2

Bảng 10. Ý kiến của người trả lời về tình hình triển khai hoạt động phòng chống BBPNTE tại địa phương – % ý kiến trả lời tương quan theo xã khảo sát

	Sông Hiến	Duyệt Trung	Mường Báng	Sính Phình	Tân Dương	Trung Hà	Ngãi Tứ	Sông Phú	Trung Bình
Đã có	55,0	65,0	50,0	32,5	58,0	67,5	39,5	15,0	48,3
Chưa có	17,5	17,5	15,0	20,0	30,0	22,5	37,2	40,0	25,1
Không biết	27,5	17,5	32,5	45,0	7,5	10,0	23,3	45,0	26,0

Bảng 11. Ý kiến của người trả lời về tình hình triển khai hoạt động truyền thông tại địa phương - % ý kiến trả lời tương quan theo địa bàn khảo sát

Các hoạt động truyền thông	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Tập huấn cho tuyên truyền viên	17,5	7,5	22,5	12,0	14,9
Đối tượng được tham gia					
Phụ nữ	17,5	7,5	16,3	12,0	13,3
Phụ nữ BB trở về	6,3	2,5	2,5	4,8	4,0
Nam giới	3,8	7,5	1,3	6,0	4,6
Trẻ em	2,5	0,0	1,3	3,6	1,9

Đánh giá hiệu quả					
Hiệu quả cao	5,0	5,0	17,5	9,6	9,3
Ít hiệu quả	12,5	0,0	2,5	0,0	3,7
Chưa hiệu quả	0,0	1,3	0,0	2,4	0,9
Truyền thông trên loa phát thanh	12,5	2,5	53,8	24,1	23,2
Đánh giá hiệu quả					
Hiệu quả cao	6,3	0,0	36,3	12,0	13,6
Ít hiệu quả	2,5	1,3	10,0	9,6	5,9
Chưa hiệu quả	2,5	0,0	2,5	1,2	1,5
Nói chuyện trong các buổi họp dân cư, đoàn thể	57,5	33,8	31,3	21,7	35,9
Đối tượng được tham gia					
Phụ nữ	28,8	30,0	22,5	18,1	24,8
Phụ nữ BB trở về	12,5	8,8	3,8	1,2	6,5
Nam giới	17,5	26,3	3,8	8,4	13,9
Trẻ em	11,3	5,0	5,0	3,6	6,2
Đánh giá hiệu quả					
Hiệu quả cao	30,0	15,0	21,3	14,5	20,1
Ít hiệu quả	18,8	7,5	5,0	4,8	9,0
Chưa hiệu quả	1,3	7,5	1,3	2,4	3,1
Cơ quan thực hiện					
UBND xã, phường/ thôn, dân phố	22,8	16,3	6,3	7,2	13,0
Đảng ủy xã, phường/ thôn, phố	2,5	1,3	0,0	1,2	1,2
Công an xã, phường/ thôn, phố	7,5	7,5	1,3	0,0	4,0
Hội phụ nữ xã, phường/ thôn, phố	25,0	13,8	22,5	8,4	17,3
Tư pháp xã	2,5	1,3	0,0	0,0	0,9
Mặt trận tổ quốc/các đoàn thể	11,3	10,0	5,0	2,4	7,1
Văn hóa thông tin xã, phường	2,5	0,0	36,3	13,3	13,0
Đài, ti vi huyện, thị/tỉnh/ trung ương	6,3	0,0	1,3	2,4	2,5

Bảng 12. Ý kiến của người trả lời về tình hình triển khai hoạt động phòng chống tội phạm tại địa phương – % số ý kiến tương quan theo địa bàn khảo sát

Hoạt động phòng chống tội phạm	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Phát động người dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm	41,3	27,5	25,0	15,7	27,2
Hiệu quả cao	18,8	6,3	15,0	9,6	12,4
Ít hiệu quả	17,5	7,5	7,5	4,8	9,3
Chưa hiệu quả	2,5	6,3	0,0	0,0	2,2
Điều tra, bắt giữ, truy tố tội phạm	25,0	18,8	12,5	2,4	14,6
Hiệu quả cao	10,0	2,5	5,0	1,2	4,6
Ít hiệu quả	8,8	7,5	2,5	1,2	5,0
Chưa hiệu quả	2,5	6,3	0,0	0,0	2,2

Bảng 13. Ý kiến của người trả lời về tình hình triển khai hoạt động tái hòa nhập cộng đồng- tương quan theo địa bàn khảo sát

Hoạt động tái hòa nhập cộng đồng	Thị xã Cao Bằng	Huyện Tủa Chùa	Huyện Thủy Nguyên	Huyện Tam Bình	Trung Bình
Hỗ trợ tư vấn tâm lý cho người trở về	17,5	7,5	11,3	4,8	10,2
Hiệu quả cao	11,3	5,0	7,5	1,2	6,2
Ít hiệu quả	3,8	2,5	2,5	2,4	2,8
Chưa hiệu quả	1,3	0,0	0,0	1,2	0,6
Hỗ trợ pháp lý cho người trở về	22,5	1,3	8,8	2,4	8,7
Hiệu quả cao	15,0	2,5	3,8	0,0	5,3
ít hiệu quả	6,3	0,0	3,8	1,2	2,8
Chưa hiệu quả	0,0	0,0	0,0	1,2	0,3

Hỗ trợ tạo việc làm ổn định cuộc sống	18,8	2,5	10,0	3,6	8,7
Hiệu quả cao	5,0	2,5	5,0	0,0	3,1
ít hiệu quả	10,0	0,0	2,5	3,6	4,0
Chưa hiệu quả	2,5	0,0	1,3	0,0	0,9
Hỗ trợ khẩn cấp cho người trở về (tiền, thuốc men)	5,0	1,3	5,0	2,4	3,4
Hiệu quả cao	3,8	1,3	3,8	0,0	2,2
Ít hiệu quả	2,5	0,0	1,3	2,4	1,5
Chưa hiệu quả	1,3	0,0	0,0	1,2	0,6

Thiết kế và in ấn tại: Công ty Cổ phần Truyền thông Sáng tạo TEAM

Điện thoại: 84.4.3766 8093 • Website: www.teamcreative.vn

Giấy phép xuất bản số:

• Cấp ngày 22-10-2008

In 250 quyển khổ 17x25cm • In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2008

ACTIONAID VIỆT NAM

Văn phòng Quốc gia

Phòng 502A, Tòa nhà HEAC
14-16 Hàm Long, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: ++84-4-3943 9866 * Fax: ++84-4-3943 9872
E-mail: mail.aav@actionaid.org
Website: www.actionaid.org.vn

Văn phòng phía Nam

Phòng 6.2, Tòa nhà Mỹ Vinh
250 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: ++84-8-3930 7501 * Fax: ++84-8-3930 7502
E-mail: hcmoffice.aav@actionaid.org